

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đồng Thị Phương Thảo**  
**Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI  
HÙNG NGUYỄN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đồng Thị Phương Thảo  
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2017**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đồng Thị Phương Thảo

Mã SV: 1412401356

Lớp: QT1807K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Hùng Nguyên.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
  - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.
  - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyễn.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày    tháng    năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày    tháng    năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Đồng Thị Phương Thảo

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2017*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2016). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

Bằng số: .....

Bằng chữ:.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017*

**Cán bộ hướng dẫn**

*Ths. Nguyễn Thị Mai Linh*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ</b> .....	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	2
1.1.1 . Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	2
1.1.2.1. Doanh thu.....	2
1.1.2.2. Chi phí.....	6
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh .....	7
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	8
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	9
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.....	9
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.....	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	12
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	12
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.....	14
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	16
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	16
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.....	17
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	19
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	19
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	19

1.2.4.3.	Phương pháp hạch toán.....	19
1.2.5.	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	21
1.2.5.1.	Chứng từ sử dụng.....	21
1.2.5.2.	Tài khoản sử dụng.....	21
1.2.5.3.	Phương pháp hạch toán.....	21
1.2.6.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	23
1.2.6.1.	Chứng từ sử dụng.....	23
1.2.6.2.	Tài khoản sử dụng.....	23
1.2.6.3.	Phương pháp hạch toán.....	23
1.3.	Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	25
1.3.1.	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	25
1.3.2.	Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	26
1.3.3.	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	27
1.3.4.	Hình thức kế toán trên Máy vi tính .....	29
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG NGUYỄN.....</b>		<b>30</b>
2.1.	Khái quát chung về công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên .....	30
2.1.1.	Quá trình hình thành và phát triển .....	30
2.1.2.	Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên..	31
2.1.3.	Công tác kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên .....	32
2.1.3.1.	Tổ chức bộ máy kế toán.....	32
2.1.3.2.	Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.....	33
2.1.3.3.	Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán.....	33
2.1.3.4.	Tổ chức hệ thống sổ kế toán .....	34
2.1.3.5.	Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.....	36
2.2.	Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.....	36
2.2.1.	Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty .....	36
2.2.1.1.	Đặc điểm doanh thu bán hàng tại Công ty .....	36
2.2.1.2.	Chứng từ sử dụng.....	36
2.2.1.3.	Tài khoản sử dụng.....	37
2.2.1.4.	Quy trình hạch toán .....	37



2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên	45
2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán.....	45
2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	45
2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.....	46
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty.....	53
2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh.....	53
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	53
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	53
2.2.3.4. Quy trình hạch toán.....	53
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	59
2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.....	59
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	59
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	59
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.....	60
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	64
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	64
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	64
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	64
2.2.6.4. Quy trình hạch toán.....	64
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG NGUYỄN.....</b>	<b>73</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.....	73
3.1.1. Ưu điểm.....	73
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.....	75
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên. ....	76
3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. ....	76
3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	77

3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty .....	77
3.2.2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán .....	86
3.2.2.3. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên. ....	90
3.2.2.4. Một số kiến nghị khác.....	94
<b>KẾT LUẬN</b> .....	95
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	96

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 – Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu .....	11
Sơ đồ 1.2 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	14
Sơ đồ 1.3–Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	15
Sơ đồ 1.4 – Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính..	18
Sơ đồ 1.5 – Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	20
Sơ đồ 1.6 – sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác .....	22
Sơ đồ 1.7 – Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh .....	24
Sơ đồ 1.8 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung .....	26
Sơ đồ 1.9 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái .....	27
Sơ đồ 1.10 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	28
Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính .....	29
Sơ đồ 2.1 – Bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên. ....	31
Sơ đồ 2.2 – Sơ đồ bộ máy kế toán.....	32
Sơ đồ 2.3 –Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. ....	35
Sơ đồ 2.4 – Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên .....	37
Sơ đồ 2.5 – quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên .....	46
Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.....	54
Sơ đồ 2.7 – Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.....	60
Sơ đồ 2-8 – quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên .....	65
Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh năm 2016 của công ty.....	66

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 – (Hóa đơn GTGT số 0000612).....	39
Biểu số 2.2 – GBC ngày 05/12/2016. Ngân hàng TMCP Á Châu .....	40
Biểu số 2-3 – Phiếu thu số 11/12 .....	41
Biểu số 2-4 – (HĐGTGT 0000622) .....	42
Biểu số 2.5 – Sổ nhật ký chung (trích).....	43
Biểu số 2.6 – Sổ cái TK 511 ( Trích ) .....	44
Biểu số 2.7 – Phiếu xuất kho số 09/12 .....	49
Biểu số 2.8 – Phiếu xuất kho số 25/12 .....	50
Biểu số 2.9 – Sổ nhật ký chung (trích).....	51
Biểu số 2.10 – Sổ cái TK 632 ( Trích ) .....	52
Biểu 2.11 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông .....	55
Biểu số 2.12 – Phiếu chi số 5/12 .....	56
Biểu số 2.13 – Sổ Nhật Ký Chung (trích) .....	57
Biểu 2.14 – Sổ Cái TK642 (trích) .....	58
Biểu số 2.15 – GBC 21/12 – Ngân hàng TMCP Á Châu .....	61
Biểu số 2.16 – Sổ nhật ký chung (trích).....	62
Biểu số 2.17 – Sổ cái (trích).....	63
Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán số 27/12 .....	67
Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 28/12 .....	67
Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 29/12 .....	68
Biểu số 2.21– Sổ nhật ký chung (trích).....	69
Biểu 2.22 – Sổ Cái TK 911 .....	70
Biểu 2.23 – Sổ Cái TK 821 .....	71
Biểu số 2.24- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	72
Biểu số 3.1 – Sổ chi tiết bán hàng.....	79
Biểu số 3.2 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .....	80
Biểu số 3.3 – Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng .....	81
Biểu 3.4 – Mẫu Sổ chi tiết các tài khoản .....	82
Biểu số 3.5 – Sổ chi tiết bán hàng (thép hình) .....	83
Biểu số 3.6 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .....	84
Biểu số 3.7 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .....	85
Biểu 3.8 – Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2016.....	92
Biểu 3.9 – Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi .....	93

## LỜI MỞ ĐẦU

Với chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Chính phủ đề ra trong những năm gần đây, nền kinh tế trong nước ngày càng phát triển, đòi hỏi các thành phần tham gia kinh tế không ngừng nỗ lực vươn lên. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nhiều doanh nghiệp với nhau đặt ra các vấn đề cho các doanh nghiệp là: Làm thế nào để tồn tại lâu dài và theo kịp nền kinh tế trong nước và ngoài nước. Cũng như làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận trong kinh tế, ổn định vị thế của mình.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH và Thương Mại Hùng Nguyên, em đã có dịp tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán cũng như tầm quan trọng của nó, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, em đã quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên”** cho bài khóa luận của mình.

Ngoài lời nói đầu và kết luận, bài khóa luận của em gồm có 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Vì thời gian, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn.**

Sinh viên  
Đồng Thị Phương Thảo

**CHƯƠNG I:**

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

**1.1. Những vấn đề chung về công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

**1.1.1 . Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Doanh thu và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Vì vậy, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận vô cùng quan trọng trong cấu thành kế toán doanh nghiệp.

Kế toán kết quả kinh doanh cho chúng ta cái nhìn tổng hợp và chi tiết về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho các nhà quản trị trong quá trình quản lý và phát triển doanh nghiệp.

Việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu điểm và nhược điểm, những vấn đề còn tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo.

Đồng thời cũng phải đảm bảo tiêu thụ, duy trì sự liên tục của hoạt động kinh tế, đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa các khâu trong quá trình tái sản xuất. Chính vì thế đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hóa cũng như hoàn thiện hạch toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ hàng hóa là điều cần thiết.

**1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**1.1.2.1. Doanh thu**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần tăng vốn của chủ sở hữu.

**Các loại doanh thu****• Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu bên ngoài giá bán ( công vận chuyển, chi phí lắp đặt....) nếu có.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau :

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

+ Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền.

+ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần tiền lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau :

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

• **Doanh thu thuần:** Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

• Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- Thuế GTGT phải nộp ( *theo phương pháp trực tiếp* ): thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt : là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu : là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

• **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:



- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm. Trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ....

- Cổ tức lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch do bán ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

• Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### • Thu nhập khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài ra các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.

- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.


- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.


- Các khoản thu khác.


### 1.1.2.2. Chi phí


Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

#### **Các loại chi phí**

 **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

 **Chi phí quản lý kinh doanh:** là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp....

 **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn...

 **Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

**Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN**

**1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác.

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

Tổng lợi nhuận		Lợi nhuận		Lợi nhuận từ		Lợi nhuận
kế toán trước	=	từ hoạt	+	hoạt động tài	+	khác
thuế		động SXKD		chính		

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp khả nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế suất thuế TNDN}}$$

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

### **1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa; bán hàng xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp. Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

## **1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu**

#### 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả

lại

#### 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- + Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- + Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch....

Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

- **Kết cấu tài khoản 511**

- **Bên Nợ**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng và được xác định đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Bên Có**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- ❖ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

• **Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

- **Kết cấu tài khoản 521**

➤ **Bên Nợ**

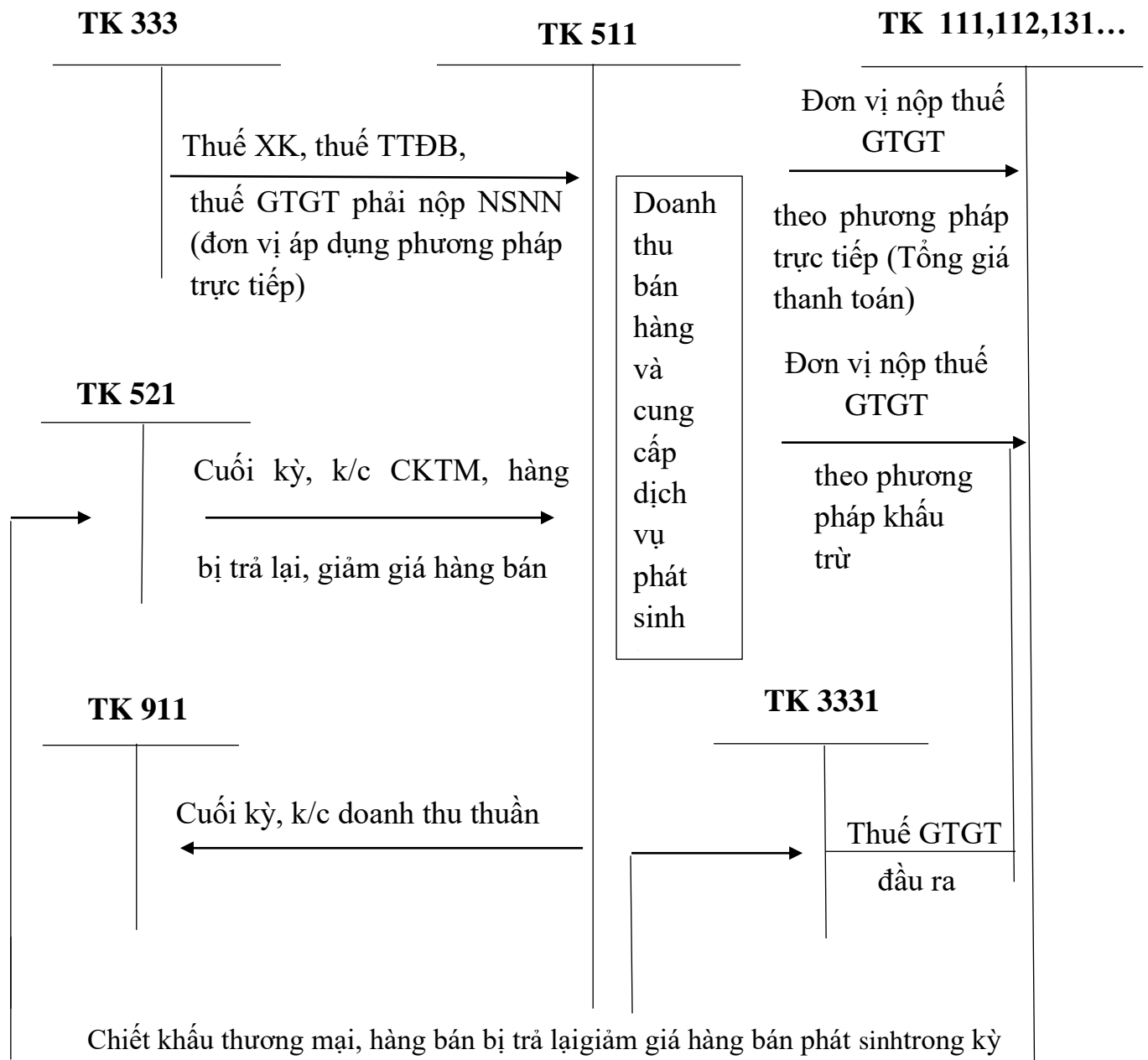
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

➤ **Bên Có**

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát sơ đồ 1.1 như sau:



**Sơ đồ 1.1 – Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu**

**1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ,...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

• **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

- **Kết cấu tài khoản 632**

• **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:

➤ **Bên Nợ**

- Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ **Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.



❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

• **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

➤ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

➤ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

➤ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ Tài khoản 155 “Thành phẩm”.

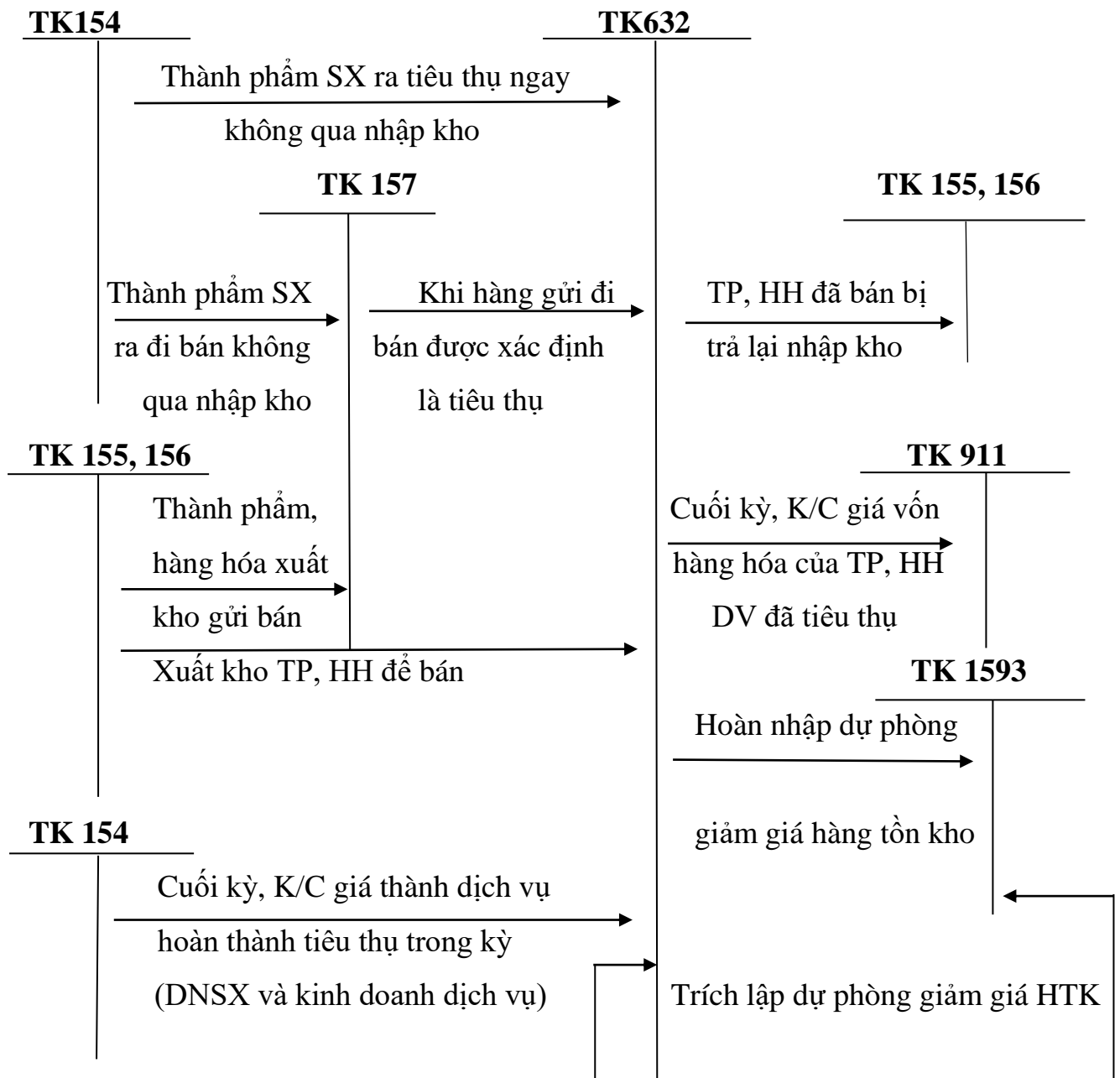
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

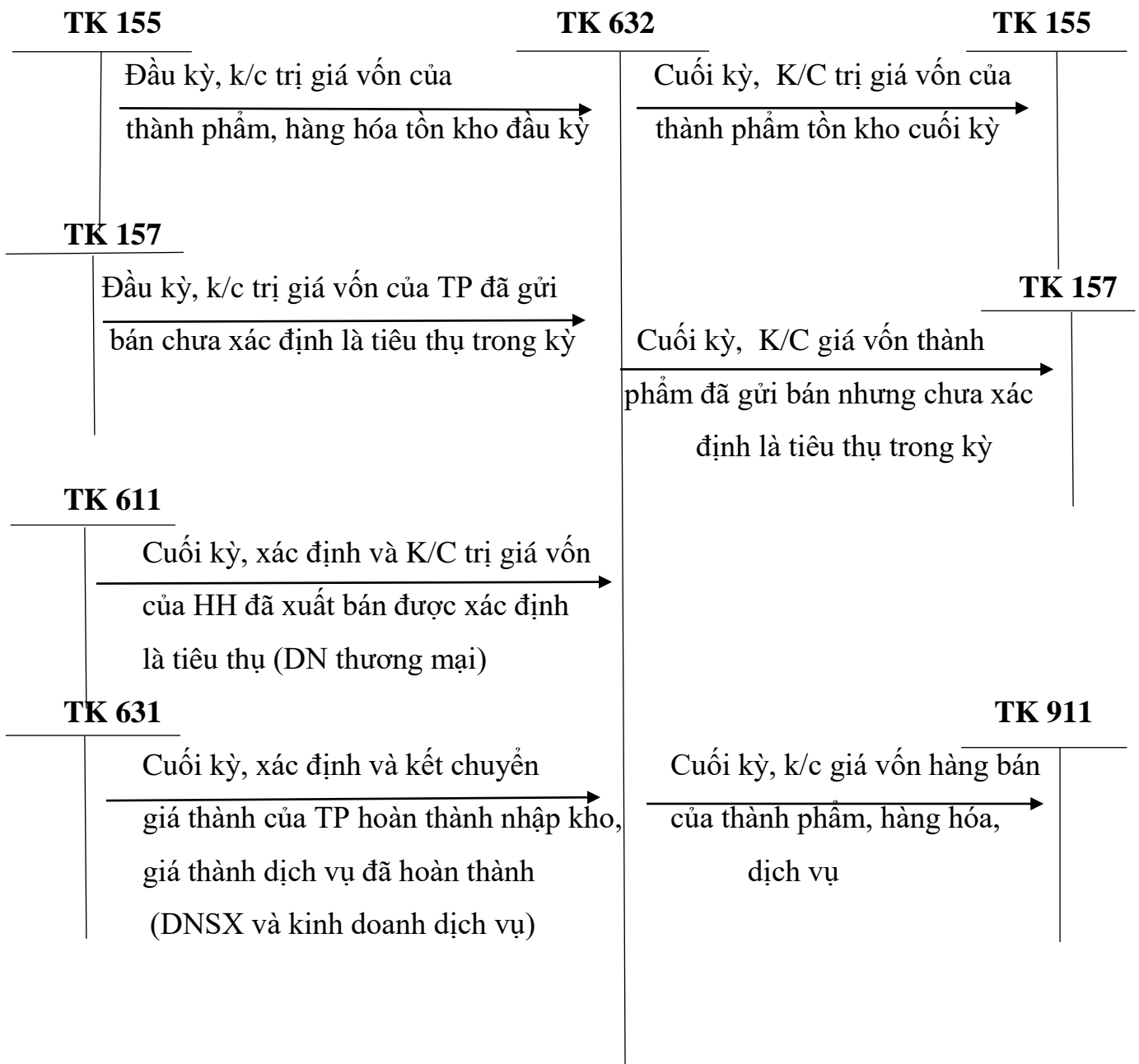
❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3 như sau:



**Sơ đồ 1.2 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.3–Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

### 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

#### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo Nợ. Giấy báo Có (giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan như: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay...

#### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Kết cấu tài khoản 515**

- **Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- **Bên Có**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh...
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

❖ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

- **Kết cấu tài khoản 635**

- **Bên Nợ**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

➤ **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

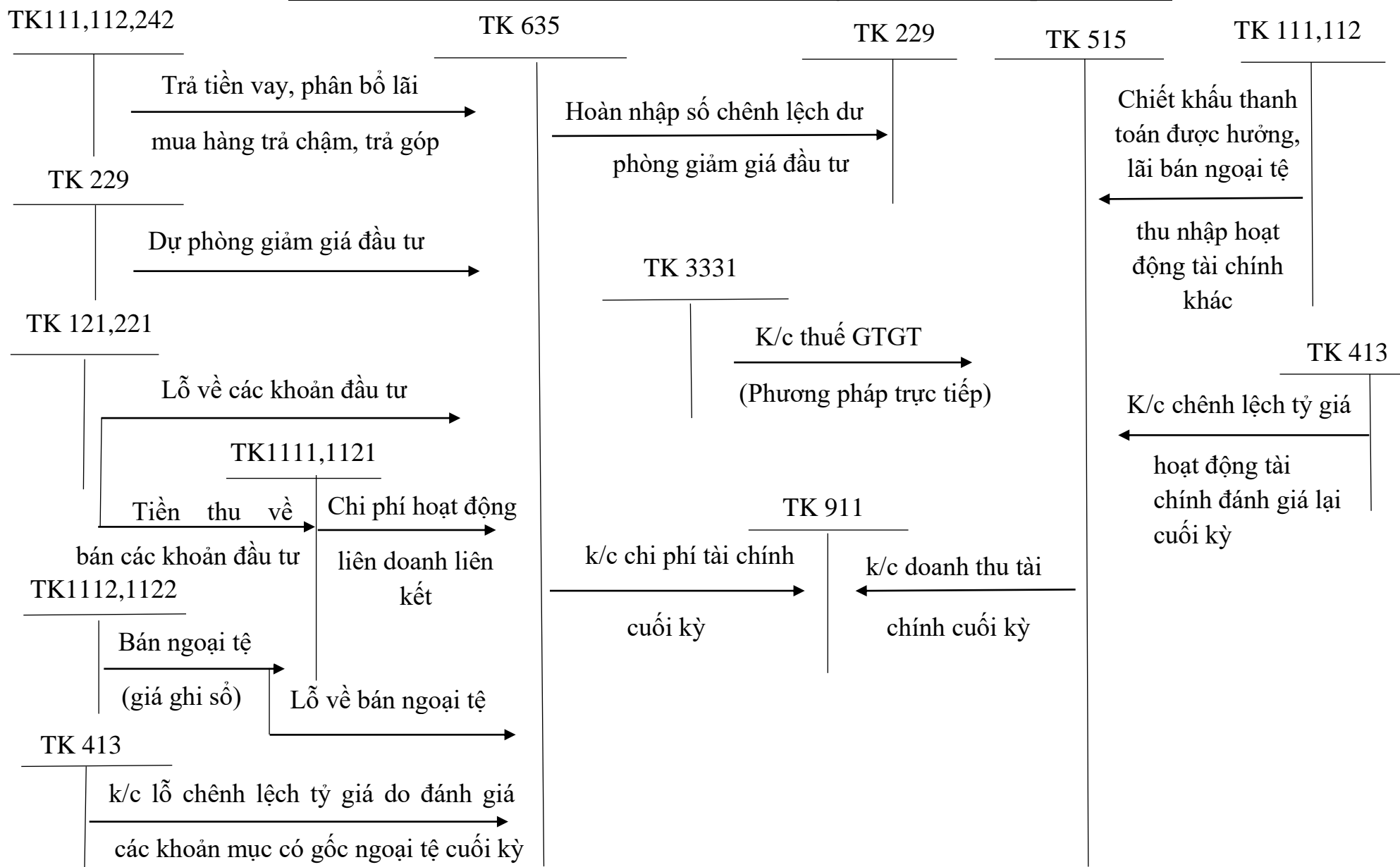
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

❖ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua **sơ đồ 1.4** như sau:

**Sơ đồ 1.4 – Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**



**1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, Giấy báo Nợ, Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

• **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý...

- **Kết cấu tài khoản 642**

➤ **Bên Nợ**

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

❖ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

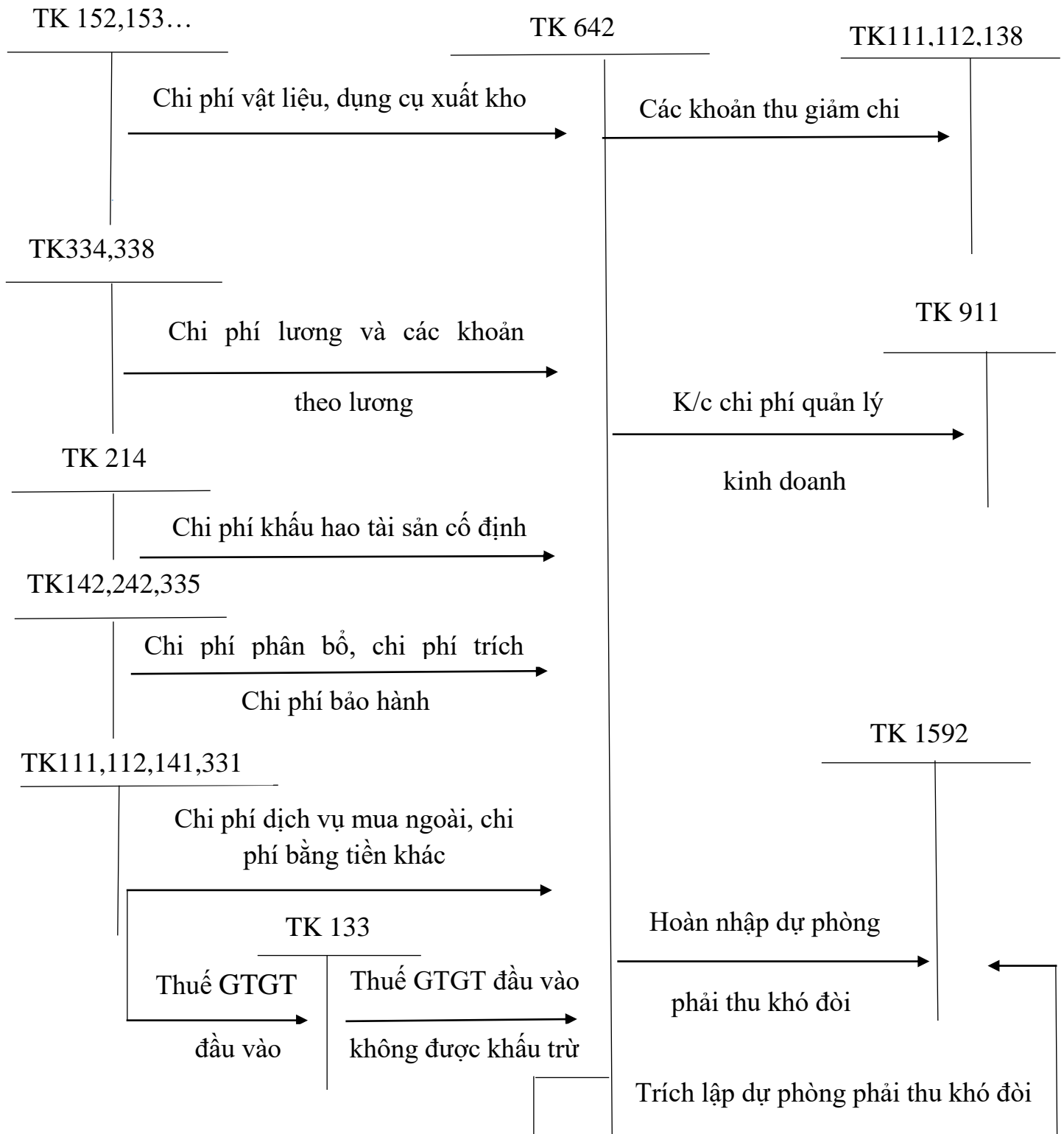
❖ Tài khoản 642 có 2 TK cấp 2: TK 6421 – Chi phí bán hàng và TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ

**1.5** như sau:

**Sơ đồ 1.5 – Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**





**1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác****1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

**1.2.5.2. Tài khoản sử dụng****• Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các loại thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**- Kết cấu tài khoản 711****➤ Bên Nợ**

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**➤ Bên Có**

- Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

**• Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

**- Kết cấu tài khoản 811****➤ Bên Nợ**

- Các khoản chi phí khác phát sinh

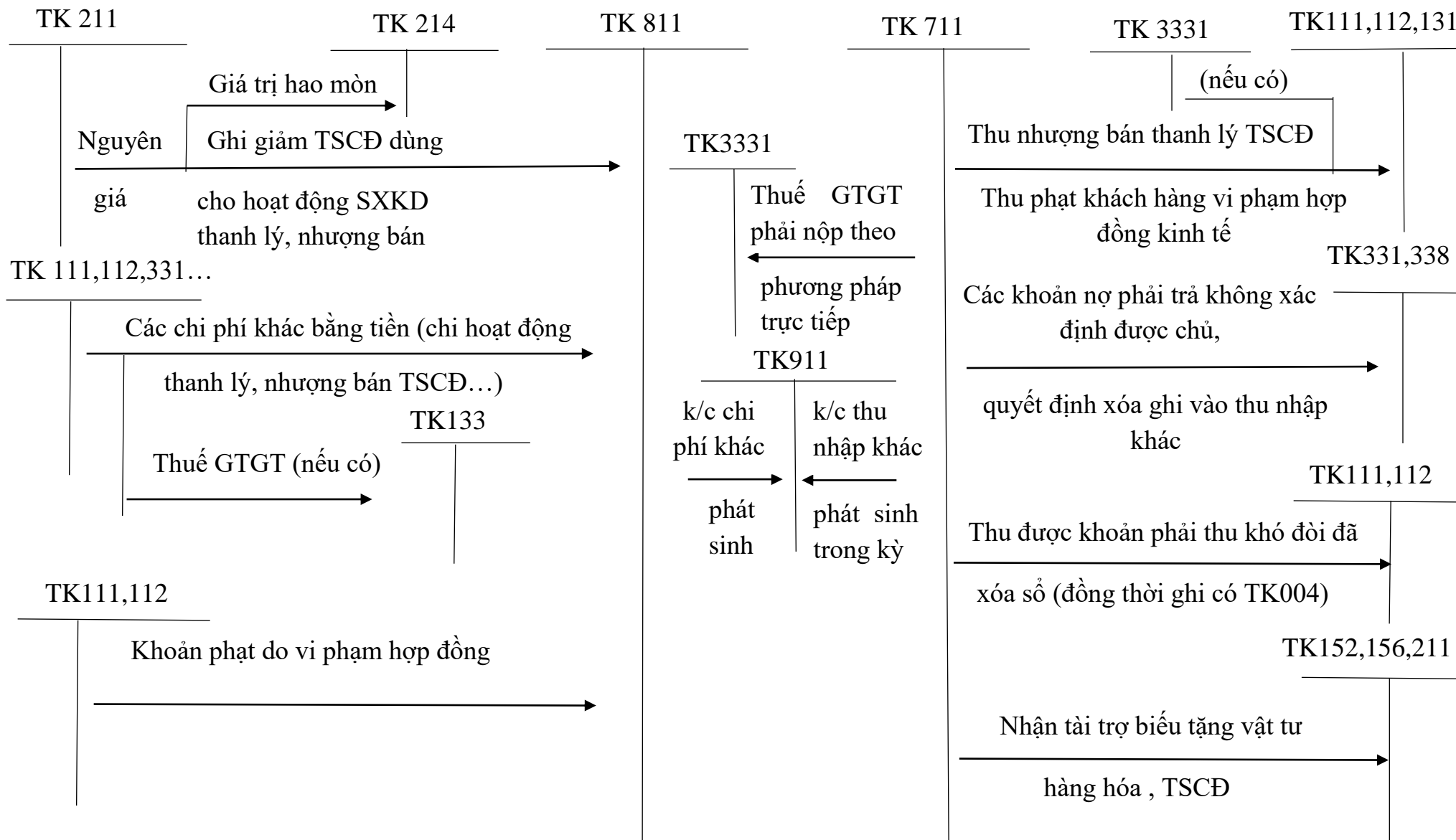
**➤ Bên Có**

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

**1.2.5.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:



**Sơ đồ 1.6 – sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**

### 1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

#### 1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

- **Kết cấu tài khoản 911**

- **Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác, chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

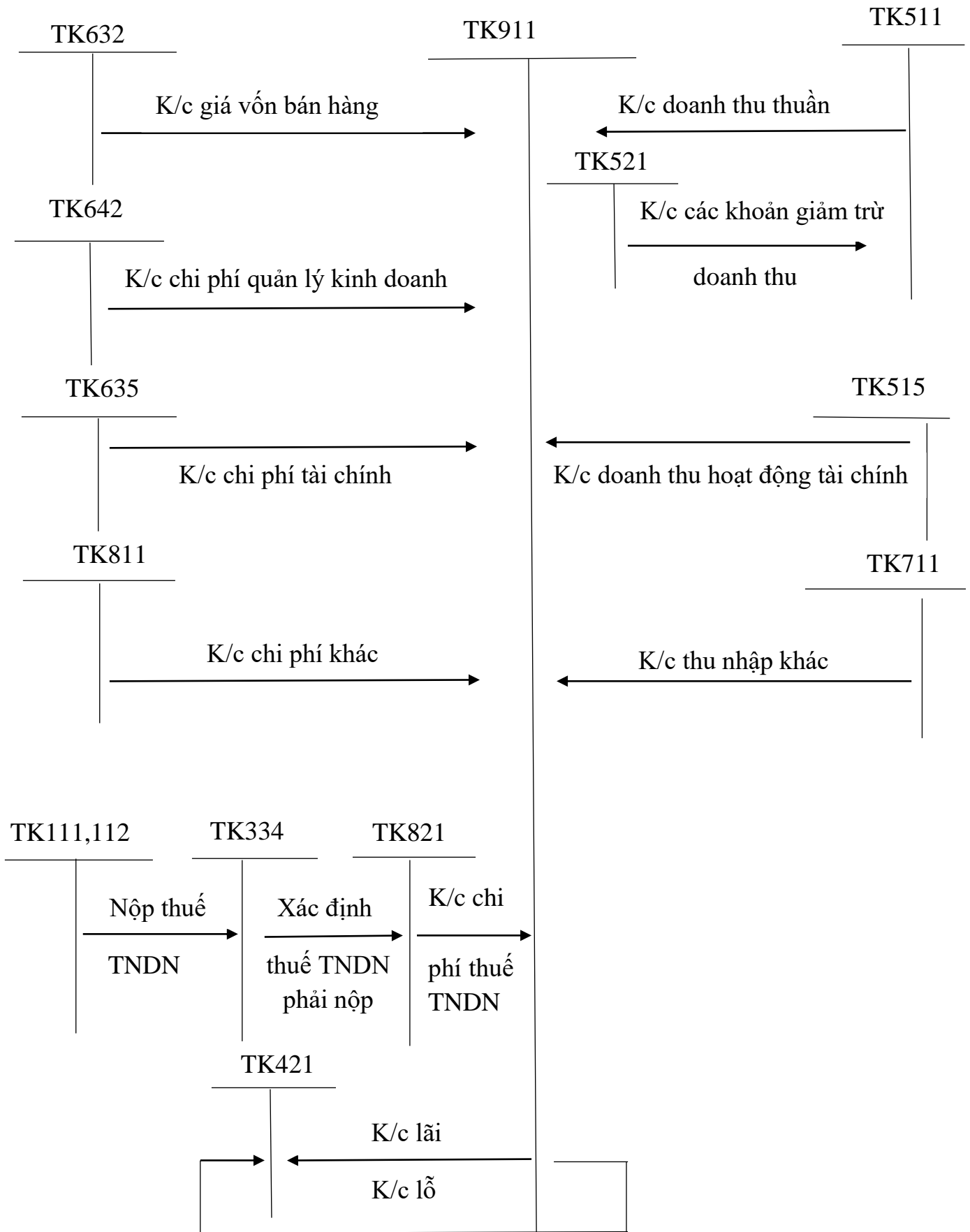
- **Bên Có**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

❖ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

#### 1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua **sơ đồ 1.7** như sau:



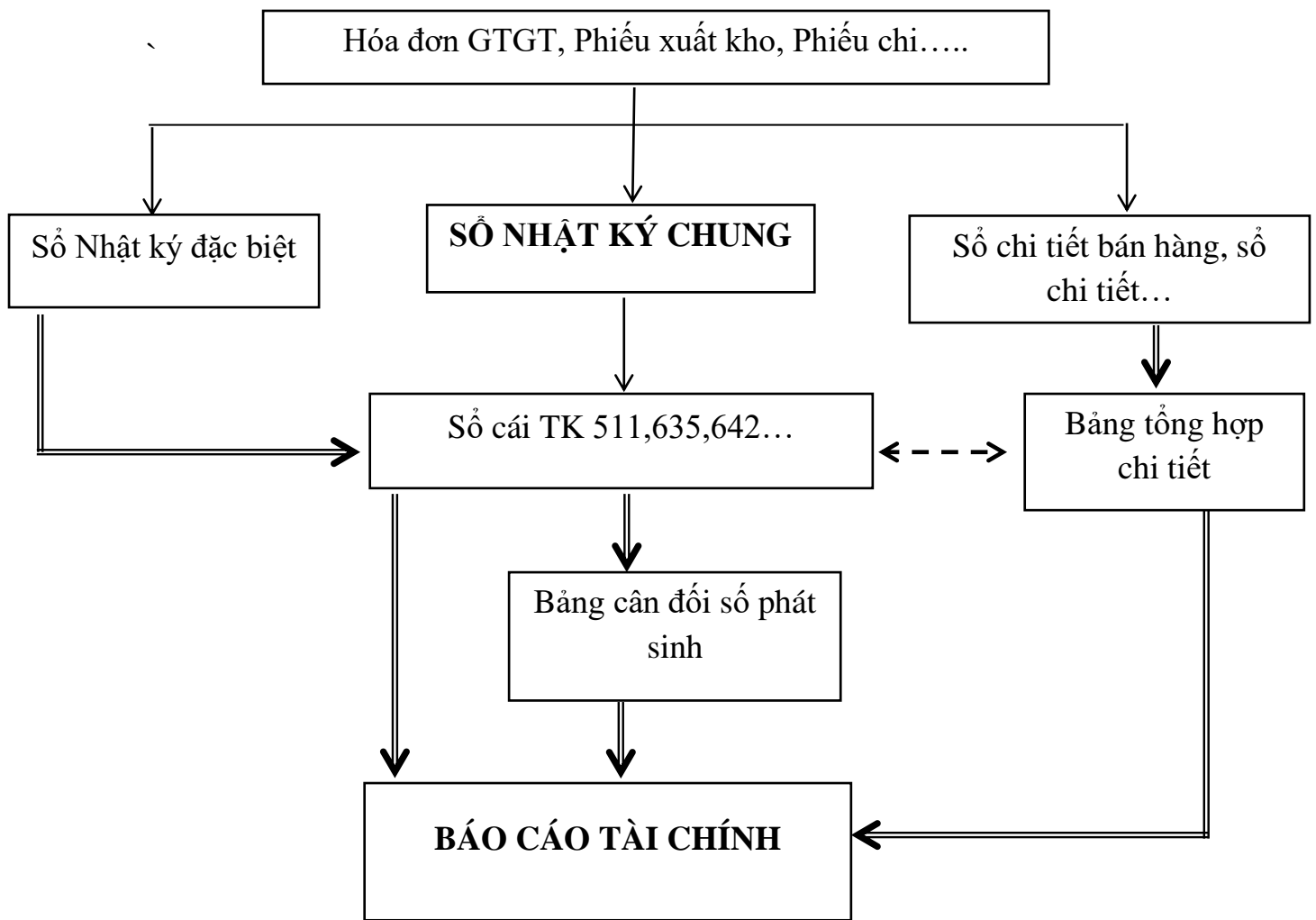
**Sơ đồ 1.7 – Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

**1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.****1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung**

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:
  - Nhật ký chung; sổ Nhật ký đặc biệt
  - Sổ Cái
  - Sổ, thẻ chi tiết

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ:  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra:  $\langle-----\rangle$

### Sơ đồ 1.8 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

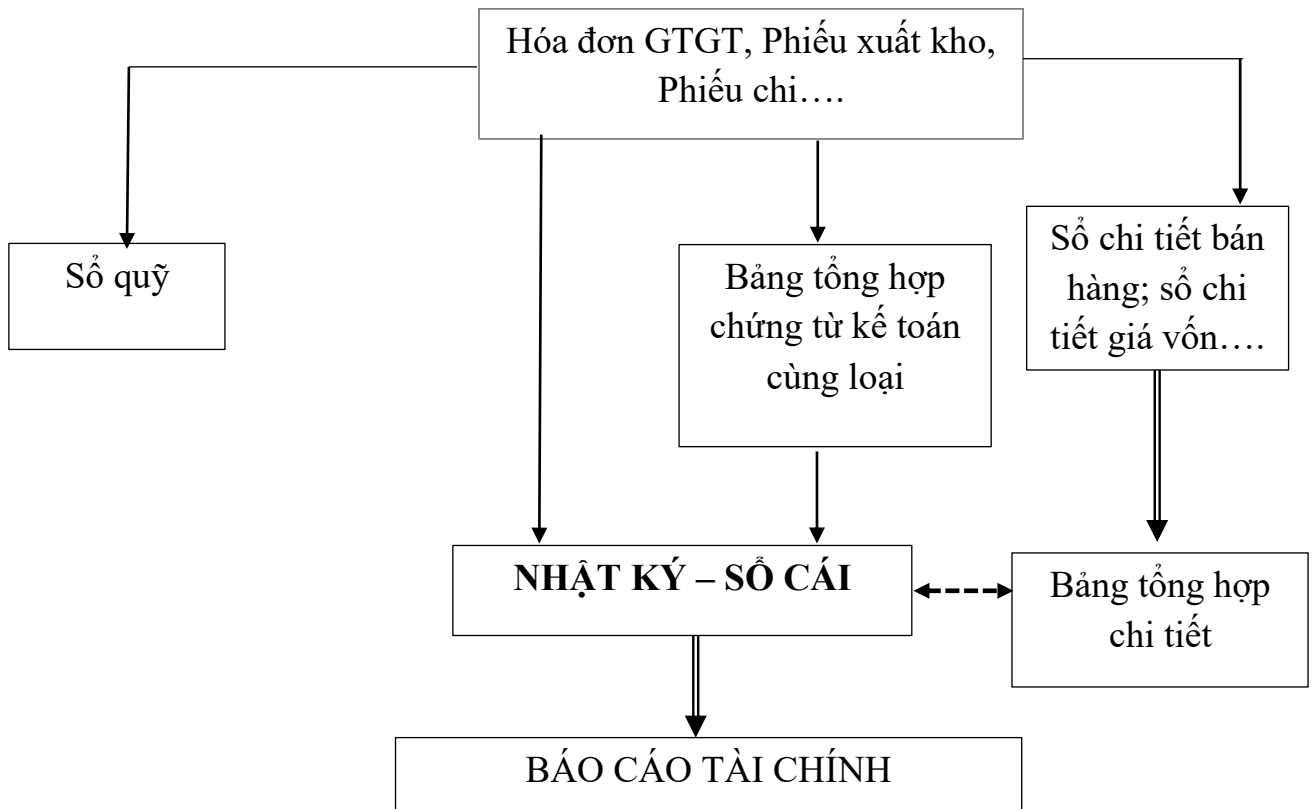
#### 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký – Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.



**Sơ đồ 1.9 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

**Ghi chú:**

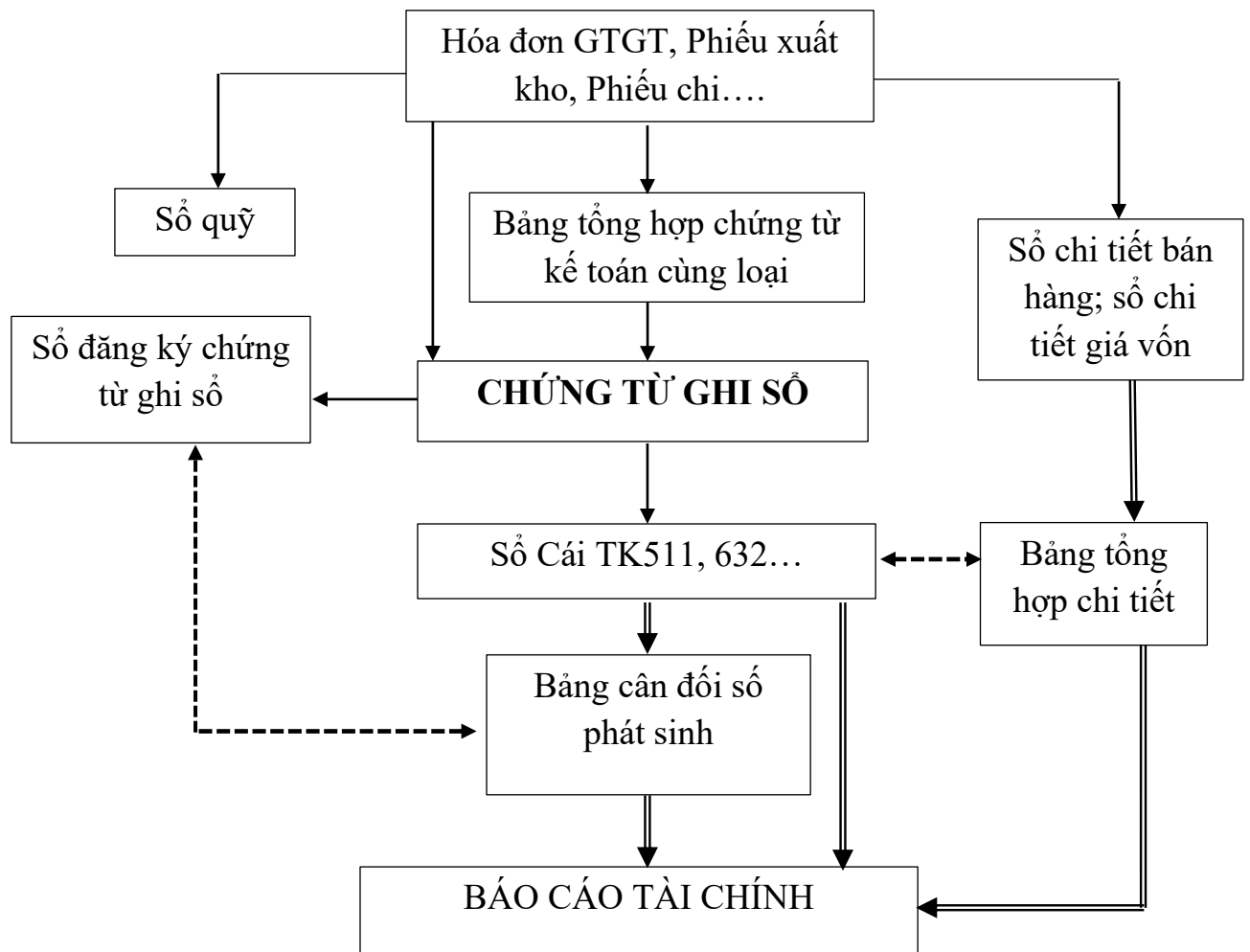
- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng: ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←-----

**1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

**Sơ đồ 1.10 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



**Ghi chú:**

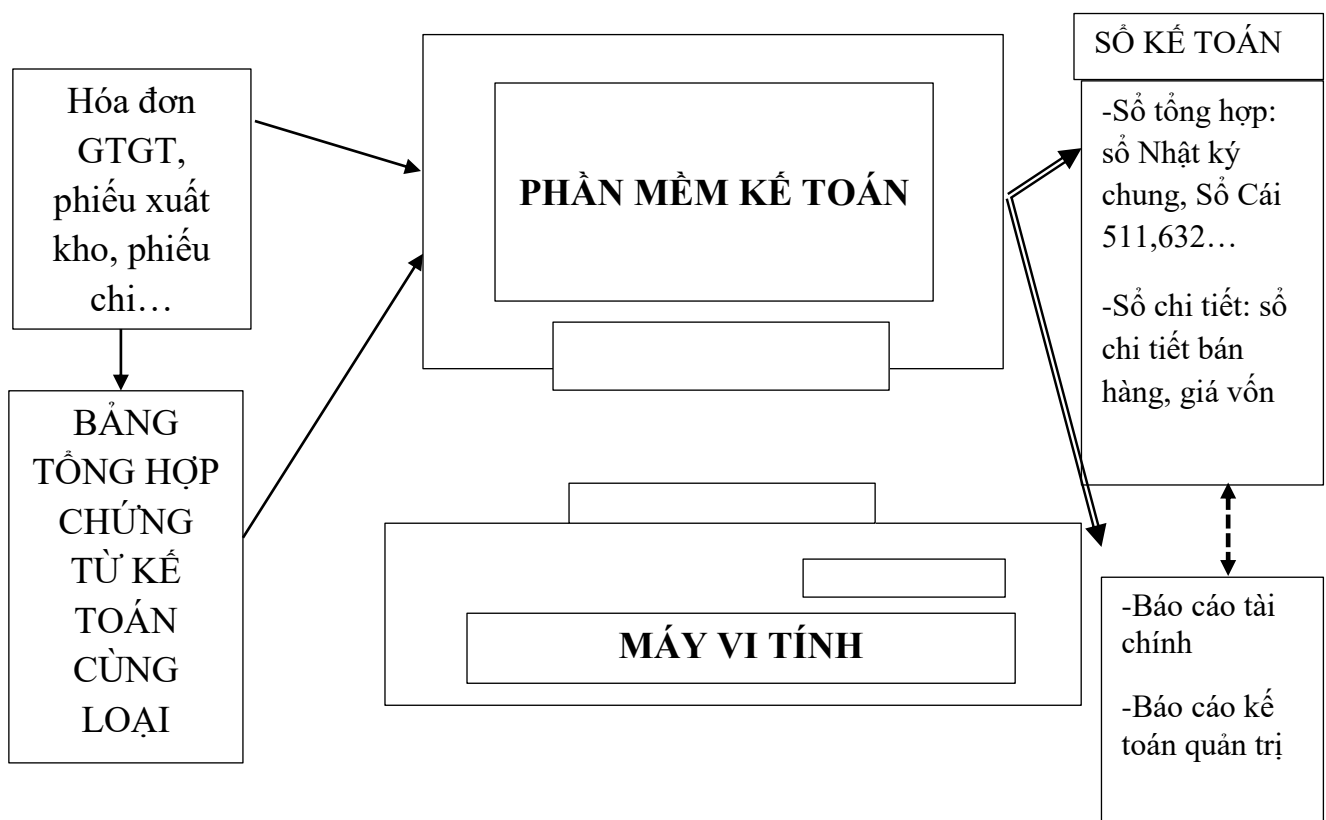
- Ghi hàng ngày:
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:



**1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính**

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký – Sổ cái, Chứng từ ghi sổ, Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.



**Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính**

**Ghi chú:**

- Nhập số liệu hàng ngày: —————→
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ══════════→
- Đối chiếu, kiểm tra: - - - - - ←

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI  
HÙNG NGUYỄN**

**2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyễn**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

- Tên công ty : Công ty TNHH TM Hùng Nguyễn
- Địa chỉ trụ sở : số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Số điện thoại: (031)3850113
- FAX : (031)3850113
- Công ty TNHH TM Hùng Nguyễn là công ty ngoài quốc doanh, với vốn điều lệ hiện tại là 4.000.000.000 (Bốn tỷ đồng chẵn)
- Giấy phép thành lập công ty số: 0202004682GP/TLDN – 02 ngày 16/03/2007 của ủy ban thành phố Hải Phòng.

1. Đăng ký kinh doanh số: 0202004682 được Ủy ban kế hoạch (Nay là sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 16 tháng 03 năm 2007.
2. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần II số 0200731945 ngày 05 tháng 01 năm 2010 ( Vào ngày 29/7/2008, liên Bộ Kế hoạch đầu tư, Công an và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA (Thông tư 05/2008) quy định về chế độ phối hợp giải quyết đăng ký kinh doanh ,hợp nhất Mã số ĐKKD và Mã số thuế của Doanh nghiệp là một)

- Công ty TNHH TM Hùng nguyên được thành lập vào ngày 16/03/2007 với số vốn điều lệ ban đầu là 1.900.000.000 (Một tỷ chín trăm triệu đồng chẵn), với số lượng lao động ban đầu là 4 người.
- Ngày 05/01/2014 xét nhu cầu doanh nghiệp cần mở rộng kinh doanh, hội đồng thành viên quyết định bổ xung vốn điều lệ lên 4.000.000.000 (Bốn tỷ đồng chẵn)
- Ngành nghề kinh doanh  
Công ty TNHH TM Hùng Nguyễn tổ chức kinh doanh các ngành nghề:

**\* Các mặt hàng thương mại:**

- Kinh doanh Thép chính phẩm: Bao gồm các loại thép xây dựng như thép hình, thép tấm, thép Việt – Nhật, thép cuộn mạ...

- Kinh doanh Thép phế liệu: Bao gồm các loại sắt thép phế liệu từ các nguồn thu mua trong nước bao gồm vật tư cắt phá tàu, thiết bị cũ, các vật tư dư thừa.

**\* Một số ngành nghề khác mà công ty đang hoạt động :**

- Gia công và sản xuất cơ khí; lắp đặt nhà xưởng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị cơ khí

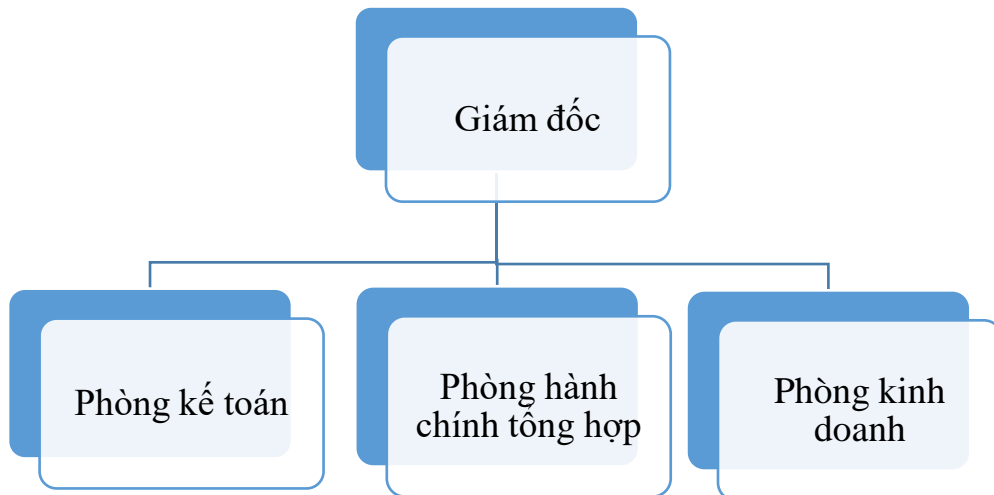
**2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyễn**

**❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Để đảm bảo khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý trực tiếp với sự lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ giám đốc đến các phòng ban để thực hiện việc điều hành quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Bộ máy quản lý điều hành sản xuất kinh doanh gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh là chính.

**Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyễn.**



**Giám đốc công ty:** Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và công nhân viên chức về quản lý về toàn bộ tài sản, lao động vật tư, tiền vốn, đảm bảo an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn công ty, làm tốt công tác đối nội đối ngoại, không ngừng chăm lo đến đời sống của người lao động.

**Phòng kế toán:** Quản lý công ty trong lĩnh vực kế toán nhằm phục vụ và đánh giá đúng, trung thực nhất về tài chính công ty, nhằm đánh giá, tham mưu trong vấn đề quản lý kinh doanh cho Ban Giám Đốc.

**Phòng hành chính tổng hợp:**

Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.

Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.

Tuyển dụng, quản lý nhân lực, điều động, chuyển chuyển người lao động.

Giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo luật định và quy chế công ty.

Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật của công ty.

Lưu giữ và bổ sung hồ sơ CBCNV kịp thời, chính xác.

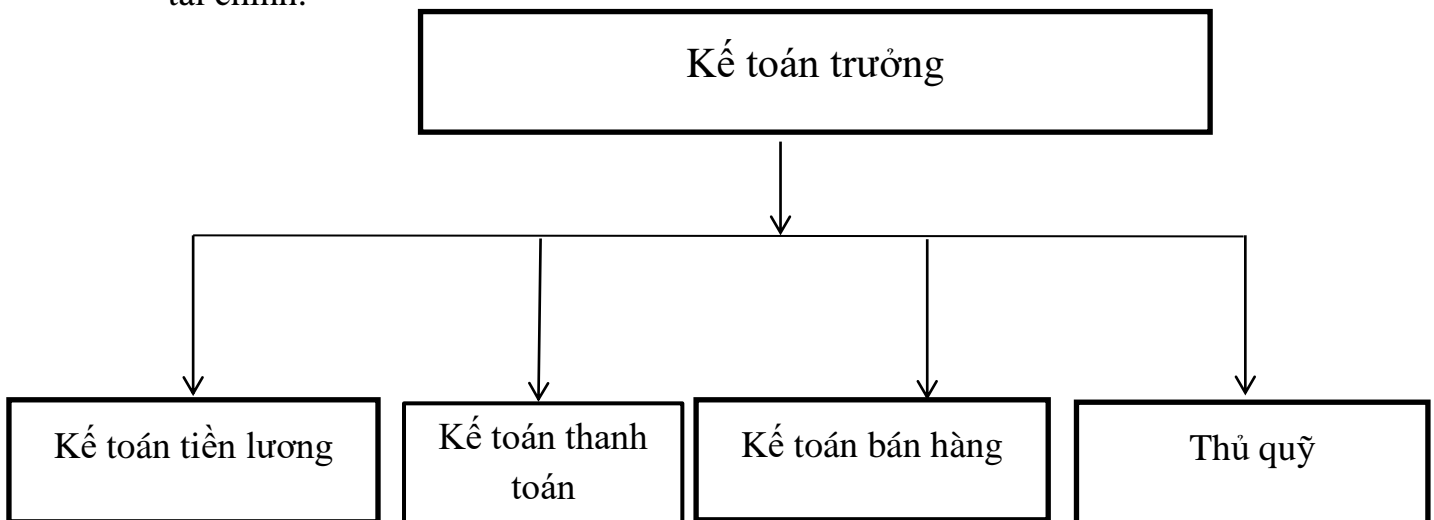
**Phòng kinh doanh :**

Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu... đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng

**2.1.3. Công tác kế toán tại công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên**

**2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.



**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán**

+ **Kế toán trưởng:** Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, là kế toán tổng hợp, chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp.

+ **Kế toán bán hàng:** Theo dõi chi tiết xuất nhập và tồn kho hàng hoá, cuối tháng cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập xuất, tồn kho hàng hoá. Theo dõi doanh thu, giá vốn và xác định kết quả kinh doanh.

+ **Kế toán tiền lương:** Ghi chép, phản ánh kịp thời đầy đủ tình hình và sự biến động về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động.

Tính toán chính xác, kịp thời, đúng chính sách, chế độ về các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động. Xây dựng thang bảng lương và tính lương để nộp cho cơ quan bảo hiểm. Tính toán, phân bổ chính xác đúng đối tượng các khoản tiền lương, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

+ **Kế toán thanh toán:** Là người chịu trách nhiệm trong việc theo dõi các khoản nợ của Công ty cũng như các khoản nợ của khách hàng với Công ty. Theo dõi chi tiết từng khoản nợ với từng khách hàng và nhà cung cấp.

+ **Thủ quỹ:** Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.

- Hình thức kế toán áp dụng : hình thức Nhật ký chung.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền liên hoàn
- Phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho: thẻ song song
- Phương pháp kế toán tổng hợp HTK : kê khai thường xuyên.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

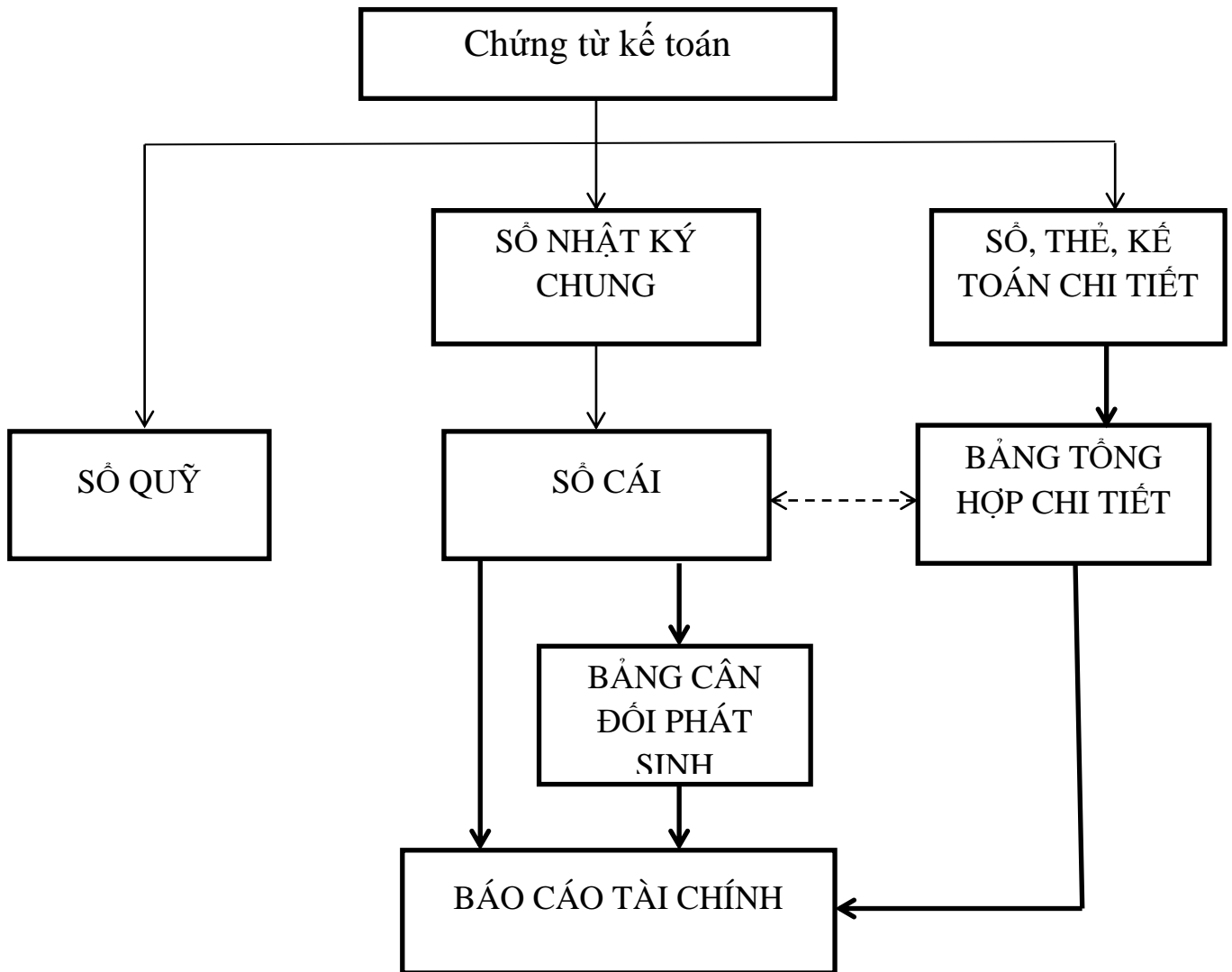
Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính

**2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán**

- Là một đơn vị kinh doanh với quy mô vừa và nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán: “Nhật ký chung”.

- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ **Sổ sách sử dụng:** Sổ nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.



Ghi chú:   
 Ghi hàng ngày:  →   
 Ghi cuối kỳ:  →   
 Đối chiếu, kiểm tra:  ↔

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.**

**2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính****❖ Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01-DNN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Mẫu B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu B03-DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09-DNN

**2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và khác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.****2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty****2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại Công ty**

Hiện nay Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên chuyên kinh doanh các mặt hàng thép xây dựng, thép hình, thép tấm, thép cây, thép cuộn mạ... Vì vậy doanh thu bán hàng của công ty là doanh thu bán các loại mặt hàng trên.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sắt thép là mặt hàng trở nên thiết yếu của người tiêu dùng, phục vụ cho việc xây dựng, sản xuất. Tuy nhiên, do mặt hàng thiết yếu, số lượng tiêu dùng lớn nên có nhiều các công ty mở ra nhằm cạnh tranh dẫn đến thu hẹp thị phần.

**➤ Phương thức bán hàng:**

Hiện nay công ty tiến hành theo phương thức bán hàng trực tiếp mà chủ yếu là bán buôn và bán lẻ, có thể thu được tiền ngay hoặc được người mua chấp nhận thanh toán. Theo phương thức bán hàng này, công tác bán hàng ở công ty được thực hiện dưới các hình thức sau:

- Bán buôn: là hình thức bán chủ yếu của công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Theo hình thức này công ty ký hợp đồng bán hàng với các khách hàng, căn cứ vào hợp đồng công ty xuất hàng tại kho và viết hóa đơn GTGT cho khách
- Bán lẻ: khách hàng trực tiếp đến cửa hàng của công ty để mua hàng. Kế toán lập hóa đơn GTGT, phiếu thu và đồng thời ghi nhận doanh thu.

**2.2.1.2. Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có...
- Các chứng từ khác có liên quan.

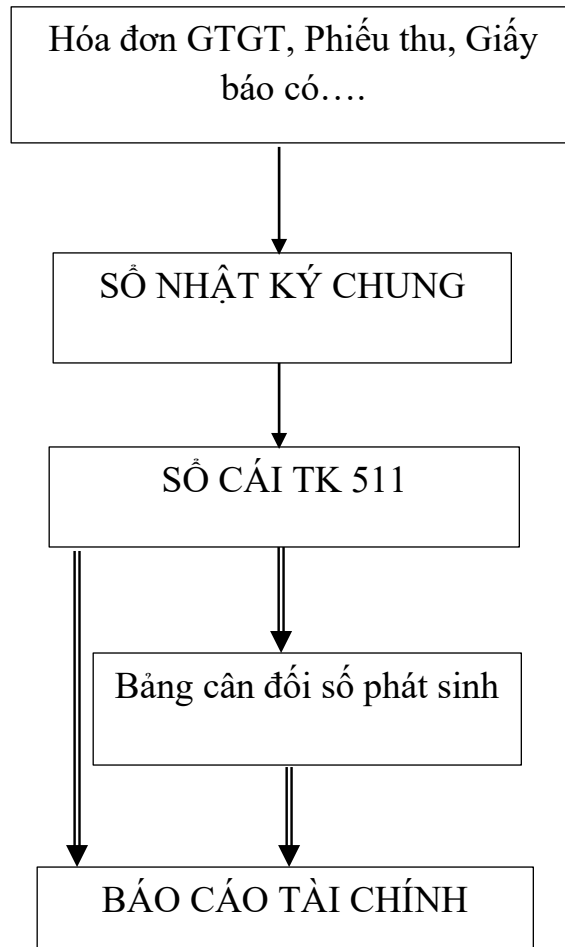


2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Các tài khoản liên quan như: TK 3331, TK 156, TK 911

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên được khái quát qua **sơ đồ 2.4**



**Sơ đồ 2.4- Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$

✓ **Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 1:** Ngày 5/12/2016 Công ty bán cho Công ty Cổ phần thép Hải Hà thép hình H (**H350\*350\*12\*19 JINXI**) với đơn giá 10.250.000đ/ cây (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản : Nợ TK 112:	135.300.000
	Có TK 511: 123.000.000
	Có TK 3331: 12.300.000

Kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0000978 (**Biểu 2.1**) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng, Công ty Cổ phần thép Hải Hà chuyển tiền qua ngân hàng, công ty nhận được giấy báo có ngày 5/12/2016 của ngân hàng TMCP Á Châu ACB – Chi nhánh Lê Chân Hải Phòng (**Biểu số 2.2**) thông báo về số tiền đã nhận được. Từ HĐGTGT số 0000978 kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.5**). Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK511 (**Biểu số 2.6**).

**Ví dụ 2:** Ngày 15/12/2016 Công ty bán cho bà Lê Thị Kim Cúc – An Dương 2 tấm thép tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm) với đơn giá 9.000.000/ tấm, chưa có VAT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản : Nợ TK 111:	19.800.000
	Có TK 511: 18.000.000
	Có TK 3331: 1.800.000

Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 11/12 (**Biểu số 2.3**), HĐGTGT 0000996 (**Biểu số 2.4**) và giao liên 2 này cho khách hàng, bà Lê Thị Kim Cúc – An Dương trả tiền hàng bằng tiền mặt. Từ HĐGTGT 0000996, PT11/12 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.5**). từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ Cái TK 511 (**Biểu số 2.6**).

**Biểu số 2.1 : (Hóa đơn GTGT số 0000612)**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001



Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/16P

Số: 0000978

Ngày 05 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Mã số thuế: 0200731945

Địa chỉ: Số 673 đường 5/2 Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0313. 529 509

Fax: 031.3259 508

Email: hungnguyenthiep.@gmail.com

Số tài khoản: 93552139

Tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Họ tên người mua hàng: Trần Anh Tuấn

Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Thép Hải Hà

Mã số thuế: 0101286034

Địa chỉ: Số 8, Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản: 0450101000856

Tại ngân hàng TMCP Quân Đội (MB)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép hình H (H350*350*12*19 JINXI)	cây	12	10.250.000	123.000.000
Cộng tiền hàng:					<b>123.000.000</b>
Thuế suất GTGT:10%		Tiền thuế GTGT:			<b>12.300.000</b>
Tổng cộng tiền thanh toán:					<b>135.300.000</b>
Số tiền viết bằng chữ:		Một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng./.			

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Biểu số 2.2 – GBC ngày 05/12/2016. Ngân hàng TMCP Á Châu**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**

**Chi nhánh: Lê Chân – Hải Phòng**



**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 05 tháng 12 năm 2016

Mã GDV:

Mã KH: 44870

So GD:

Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Mã số thuế : 0200731945

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: **93552139**

Số tiền bằng số: **135.300.000**

Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm ngàn đồng./.

**Nội dung: Công ty Cổ Phần Thép Hải Hà thanh toán tiền hàng.**

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

**Biểu số 2-3 – Phiếu thu số 11/12**

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM HÙNG NGUYỄN**

**Mẫu số: 01- TT**

Địa chỉ: **Số 673, đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng,  
Hải Phòng**

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09//2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU THU**

Quyển số:

Ngày 15 tháng 12 năm 2016 **Số: 11/12**

Nợ TK 111: 19.800.000

Có TK 511: 18.000.000

Có TK 3331: 1.800.000

Họ tên người nộp tiền: **Lê Thị Kim Cúc**

Địa chỉ: **Đại Bản – An Dương**

Lý do nộp: **thanh toán tiền mua thép tấm.**

Số tiền: **19.800.000**

Viết bằng chữ : *Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng.*

Kèm theo: **01 chứng từ gốc**

**Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng.**

*Ngày 15 tháng 12 năm 2016*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

**Biểu số 2-4 – (HDGTGT 0000622)**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**



Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/16P

Số: 0000996

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyễn  
 Mã số thuế: 0200731945  
 Địa chỉ: Số 673 đường 5/2 Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng, Việt Nam  
 Điện thoại: 0313. 529 509 Fax: 031.3259 508 Email: hungnguyenthep.@gmail.com  
 Số tài khoản: 93552139 Tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Họ tên người mua hàng: Lê Thị Kim Cúc  
 Tên đơn vị:  
 Mã số thuế:  
 Địa chỉ: Xã Đại Bản – Huyện An Dương - Hải Phòng  
 Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm)	tấm	2	9.000.000	18.000.000
Cộng tiền hàng:					<b>18.000.000</b>
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			<b>1.800.000</b>
Tổng cộng tiền thanh toán:					<b>19.800.000</b>
Số tiền viết bằng chữ:		Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng./.			

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Biểu số 2.5 – Sổ nhật ký chung (trích)**

Công ty TNHH TM Hùng Nguyên  
Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng  
Bàng, Hải Phòng.

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			.....			....	....
5/12	PX 09/12	5/12	Xuất kho bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI)	632	156	115.320.000	115.320.000
5/12	GBC05/12 HĐ 978	5/12	Bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI) cho Công ty CP Thép Hải Hà thu bằng CK	112	511 3331	135.300.000	123.000.000 12.300.000
...	.....	....	.....	.....	...	...	...
7/12	HĐGTGT 0000838 PN 04/12	7/12	Mua hàng Công Ty TNHH Phúc Thịnh chưa trả tiền	156 1331	331	255.000.000 25.500.000	280.500.000
...		...	...			...	...
15/12	PX 25/12	15/12	Xuất bán thép tấm SS400 cho bà Cúc	632	156	17.693.750	17.693.750
15/12	PT11/12 HĐ 996	15/12	Bán thép tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm) cho bà Lê Thị Kim Cúc – An Dương thu bằng TM	111	511 3331	19.800.000	18.000.000 1.800.000
....	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh			<b>390.427.120.926</b>	<b>390.427.120.926</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
( đã ký )

Kế toán trưởng  
( đã ký )

Giám đốc  
( đã ký, đóng dấu )

**Biểu số 2.6 – Sổ cái TK 511 ( Trích )**

**CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên**  
**Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng,**  
**Hải Phòng.**

**Mẫu số S03b-DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
 Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			.....			
2/12	HĐ971	2/12	Bán thép cuộn mạ kẽm cho anh Hùng thu bằng CK	112		94.690.000
....	....	....	.....	....	....	....
5/12	HĐ978	5/12	Bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI) cho CTy CP Hải Hà thu bằng CK	112		123.000.000
...	...	...	.....	....	....	.....
15/12	HĐ996	15/12	Bán thép tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm) cho bà Lê Thị Kim Cúc- An Dương thu bằng tiền mặt	111		18.000.000
	....	....	....	...	....	....
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển DTBH năm 2016	911	4.283.579.614	
			Cộng phát sinh		<b>4.283.579.614</b>	<b>4.283.579.614</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
 (Đã ký)

Kế toán trưởng  
 (Đã ký)

Giám đốc  
 (Đã ký tên, đóng dấu)



**2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên****2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó, nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch.

Đơn giá xuất kho của hàng tồn kho luôn được thay đổi dựa trên sự thay đổi của đơn giá nhập kho của hàng tồn kho. Tức là sau mỗi lần mua hàng tồn kho về doanh nghiệp kế toán phải thực hiện tính lại đơn giá hàng nhập kho dựa trên giá trị và số lượng hàng tồn kho đang có tại doanh nghiệp.

**Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn**

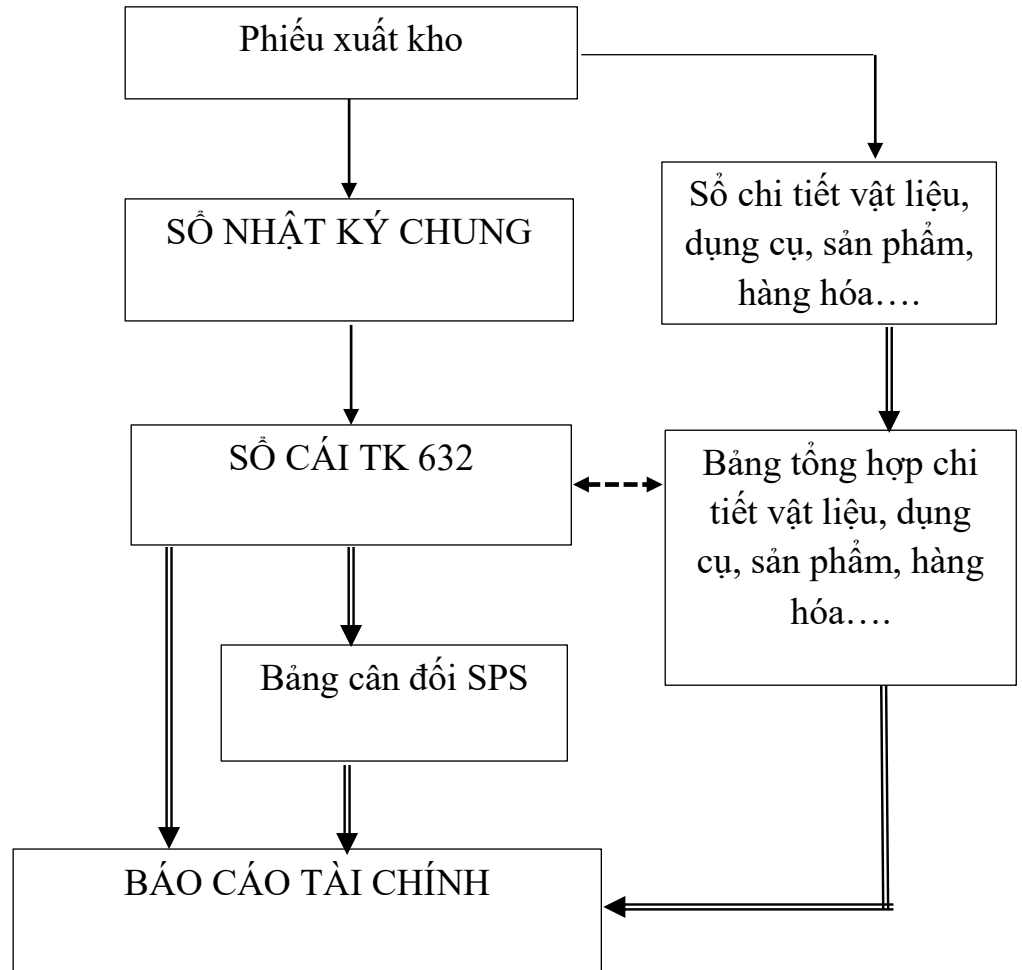
$$\text{Đơn giá xuất kho của HTK} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

**2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng**

- Chứng từ sử dụng:
  - Phiếu xuất kho;
  - Các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản kế toán sử dụng:
  - TK 632 – Giá vốn hàng bán
  - TK 156 – Hàng hóa

2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Quy trình kế toán giá vốn của công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.5



**Sơ đồ 2.5 – quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←-----→

**Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 3 (minh họa tiếp ví dụ 1)**

Ngày 5/12/2016 Công ty bán cho Công ty Cổ phần Thép Hải Hà thép hình H (H350\*350\*12\*19 JINXI) với đơn giá 10.250.000đ/ cây (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản bút toán giá vốn:

Nợ TK 632: 115.320.000

Có TK 156: 115.320.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 9/12 (**Biểu số 2.7**), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.9**). Từ số liệu trên vào sổ cái TK 632 (**Biểu số 2.10**).

**Công ty tính trị giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn như sau:**

Tồn đầu tháng 12/2016 mặt hàng thép hình H (H350\*350\*12\*19 JINXI) của công ty là 25 cây, đơn giá: 9.619.600đ/cây, thành tiền: 9.619.600 x 25 = 240.490.000đ

Ngày 2/12, mua 12 cây thép hình H (H350\*350\*12\*19 JINXI) của công ty Thép Hòa Phát, đơn giá 9.590.000đ/ cây, VAT 10%, chưa thanh toán.

**Ngày 5/12, công ty bán cho Công ty CP Thép Hải Hà 12 cây với đơn giá xuất kho được tính như sau:**

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{240.490.000 + 9.590.000 \times 12}{25+12} = 9.610.000đ$$

$$\text{Trị giá xuất kho ngày 5/12} = 9.610.000 \times 12 = 115.320.000đ$$

**Ví dụ 4 (minh họa tiếp ví dụ 2)**

Ngày 15/12/2016 Công ty bán cho bà Lê Thị Kim Cúc – An Dương thép tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm) với đơn giá 9.000.000/ tấm, chưa có VAT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản bút toán giá vốn như sau : Nợ TK 632 : 17.693.750

Có TK 156 : 17.693.750

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 25/12 (**Biểu số 2.8**), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.9**). từ số liệu trên vào Sổ cái TK 632 (**Biểu số 2.10**)

**Đơn giá xuất kho mặt hàng thép tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm) được tính như sau:**

Tồn đầu tháng 12/2016 là 35 tấm. Đơn giá : 8.890.000 đ/tấm

Ngày 5/12, Công ty mua của Công ty TNHH Hoàng Mai 5 tấm SS400, đơn giá 8.545.000đ/ tấm, VAT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.

Ngày 7/12, xuất bán cho anh Đông 1 tấm SS400, thu bằng tiền mặt.

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{8.890.000 \times 35 + 8.545.000 \times 5}{40} = 8.846.875\text{đ} / \text{tấm}$$

Trị giá xuất ngày 7/12 = 8.846.875 x 1 = 8.846.875đ.

Ngày 10/12, xuất bán cho Công ty Cổ Phần EMEC 13 tấm SS400, thu bằng chuyển khoản.

Trị giá xuất ngày 10/12 = 8.846.875 x 13 = 115.009.375đ

**Ngày 16/12, Công ty xuất bán cho bà Lê Thị Kim Cúc – An Dương 2 tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm), thu bằng tiền mặt.**

**Trị giá xuất ngày 16/12 = 8.846.875 x 2 = 17.693.750đ**

**Biểu số 2.7 – Phiếu xuất kho số 09/12**

**CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên**  
Số 673, đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, HP

**Mẫu số 02-VT**

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006-QĐ/BTC)

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 05 tháng 12 năm 2016

Nợ TK 632

**Số : 09/12**

Có TK 156

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Thành Luân

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất: Bán cho công ty Cổ Phần Thép Hải Hà

Xuất tại kho: Số 1

Địa điểm: Số 673, đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã Số	Đơn Vị Tính	Số Lượng		Đơn Giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép hình H (H350*350*12*19 JINXI)		Cây	12	12	9.610.000	115.320.000
	<i>Cộng</i>						115.320.000

Tổng số tiền ( bằng chữ ) : Một trăm mười lăm triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng.

Chứng từ gốc kèm theo : HĐGTGT 0000978

Ngày 05 tháng 12 năm 2016

**Người lập**  
(ký, họ tên)

**Người nhận hàng**  
( ký, họ tên )

**Thủ kho**  
(ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên )

**Giám đốc**  
(ký, đóng dấu)

**Biểu số 2.8 – Phiếu xuất kho số 25/12**

**CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên**  
**Số 673, đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, HP**

**Mẫu số 02-VT**

*(Ban hành theo QĐ số : 48/2006-QĐ/BTC*

*ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày 15 tháng 12 năm 2016*

**Nợ TK 632**

**Số : 25/12**

**Có TK 156**

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Thành Luân

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất: Bán thép cho bà Lê Thị Kim Cúc.

Xuất tại kho: Số 1

Địa điểm: Số 673, đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã Số	Đơn Vị Tính	Số Lượng		Đơn Giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép tám SS400 (10 x 1500 x 6000mm)		Tám	2	2	8.846.875	17.693.750
	<i>Cộng</i>						17.693.750

Tổng số tiền ( bằng chữ ) : Mười bảy triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng./.

Chứng từ gốc kèm theo : HĐGTGT 0000996

*Ngày 15 tháng 12 năm 2016*

**Người lập**      **Người nhận hàng**  
 (ký, họ tên)      ( ký, họ tên )

**Thủ kho**  
 (ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (ký, đóng dấu)

**Biểu số 2.9 – Sổ nhật ký chung (trích)**

Công ty TNHH TM Hùng Nguyên  
Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng  
Bàng, Hải Phòng.

Mẫu số S03a-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			.....			....	....
5/12	PX 09/12	5/12	Xuất kho bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI)	632	156	115.320.000	115.320.000
5/12	GBC05/12 HĐ978	5/12	Bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI) cho Công ty CP Hải Hà thu bằng CK	112	511 3331	135.300.000	123.000.000 12.300.000
....	....	....	.....	....	....	....	.....
7/12	HĐGTGT 0000838 PN04/12	7/12	Mua hàng Công Ty TNHH Phúc Thịnh chưa trả tiền	156 1331	331	255.000.000 25.500.000	280.500.000
...		...	...			...	...
15/12	PX 25/12	15/12	Xuất bán thép tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm) cho bà Cúc	632	156	17.693.750	17.693.750
15/12	PT11/12 HĐ996	15/12	Bán thép tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm) cho bà Lê Thị Kim Cúc – An Dương thu bằng TM	111	511 3331	19.800.000	18.000.000 1.800.000
....	....	.....	.....	....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh			<b>390.427.120.926</b>	<b>390.427.120.926</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
( đã ký )

Kế toán trưởng  
( đã ký )

Giám đốc  
( đã ký, đóng dấu )

**Biểu số 2.10– Sổ cái TK 632 ( Trích )**

**CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên**  
Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng,  
Hải Phòng.

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			.....			
1/12	PX01/12	1/12	Xuất bán thép cuộn phi 10 cho anh Kiên	156	12.850.000	
...	....	...	.....	.....	.....	.....
5/12	PX09/12	5/12	Xuất kho bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI) cho Công ty Cổ Phần Thép Hải Hà	156	115.320.000	
...	....	....	....	....	...	....
12/12	PX19/12	12/12	Bán thép cuộn cán nguội cho Công Ty TNHH Hoa Trang thu bằng CK	156	75.360.000	
...	....	....	....	.....	.....	.....
15/12	PX25/12	15/12	Xuất bán thép tấm SS400 (10 x 1500 x 6000mm) cho bà Lê Thị Kim Cúc- An Dương	156	17.693.750	
	....	....	....	...	....	....
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2016	911		3.691.785.296
			Cộng phát sinh		<b>3.691.785.296</b>	<b>3.691.785.296</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)



**2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty****2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh**

Tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- + Chi phí về lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí về đồ dùng văn phòng, các khoản chi phí khác....

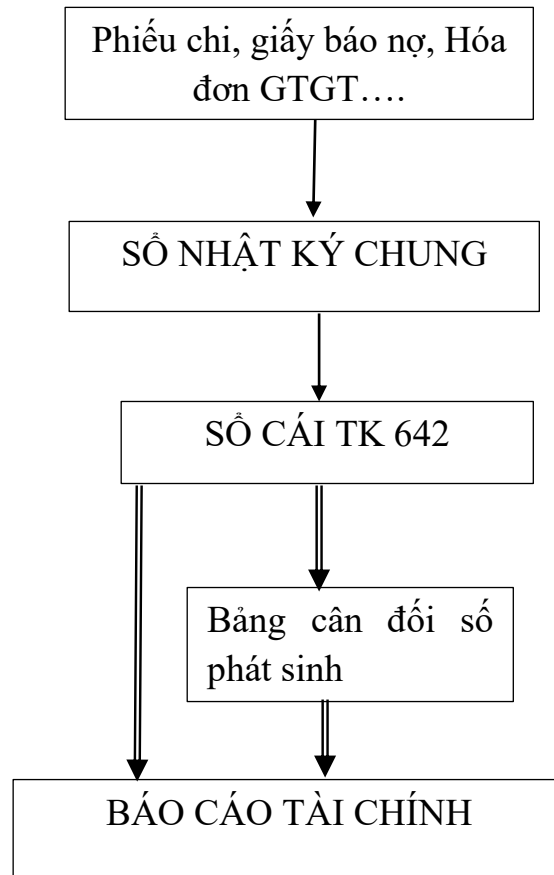
**2.2.3.2. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

**2.2.3.3. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112 ,131 ....

**2.2.3.4. Quy trình hạch toán**



**Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

**✓ Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 5:** Ngày 8/12/2016 công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại của bộ phận bán hàng với số tiền 840.862 đồng (đã có VAT 10%)

Kế toán hạch toán : Nợ TK 6421: 764.420

Nợ TK 133: 76.442

Có TK 111: 840.862

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (**Biểu số 2.11**) và các chứng từ có liên quan kế toán lập Phiếu chi (**Biểu số 2.12**)

Kế toán vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.13**) và Sổ cái (**Biểu số 2.14**)

**Biểu 2.11 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông**



**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)** Mẫu số: 01/GTKT-2LN-03  
**TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE** Ký hiệu: AC/2016T  
 (VAT) Số: 294559

**Liên 2: Giao cho người mua ( Customer copy)**

Mã số thuế : 0200287977-022

Viễn thông (Telecommunication) : Hải Phòng – TT Dịch vụ khách hàng

Địa chỉ: Số 88A đường Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công Ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

MST: 0200731945

Địa chỉ (Address) : Số 673, đường 5/2, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, HP

Số điện thoại (Tel): (031)3850113

Hình thức thanh toán : TM/CK

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
	KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2016				
	1.Cước DV viễn thông				764.420
	2.Cước DV viễn thông không thuế				0
	3.Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	4.Khuyến mại				0
	5.Trừ đặt cọc + Trích + Thưởng + Nợ				0
<b>(1+2+3+4) Cộng tiền dịch vụ (Total) (A)</b>					<b>764.420</b>
<b>Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = VAT amount (B)</b>					<b>76.442</b>
<b>(A+B+5) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (A+B)</b>					<b>840.862</b>

Số tiền viết bằng chữ (In words): Tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng./.

Người nộp tiền ký  
(Signature of payer)

Ngày 8 tháng 12 năm 2016  
 Nhân viên giao dịch ký  
(Signature of dealing staff)

**Biểu số 2.12 – Phiếu chi số 5/12**

**CÔNG TY TNHH TM HÙNG NGUYỄN**  
**Số 673, đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số: 02- TT**  
*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC*  
*Ngày 14/09//2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU CHI**

*Ngày 8 tháng 12 năm 2016*

Quyển số:

**Số: 5/12**

Nợ TK 6421: 764.420

Nợ TK 133: 76.442

Có TK 111: 840.862

Họ tên người nhận tiền: **NGÔ PHƯƠNG LOAN**

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do chi: Thanh toán cước điện thoại tháng 11/2016

Số tiền: 840.862đ

Viết bằng chữ: Tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng./.

*Ngày 8 tháng 12 năm 2016*

<b>Giám đốc</b> (Đã ký tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Đã ký)	<b>Thủ quỹ</b> (Đã ký)	<b>Người lập phiếu</b> (Đã ký)	<b>Người nhận tiền</b> (Đã ký)
--	----------------------------------	---------------------------	-----------------------------------	-----------------------------------

**Biểu số 2.13 – Sổ Nhật Ký Chung (trích)**

**Công ty TNHH TM Hùng Nguyên**  
**Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng**  
**Bàng, Hải Phòng.**

**Mẫu số S03a-DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	....	....	.....	...	....	....	....
5/12	PX 09/12	5/12	Xuất kho bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI)	632	156	115.320.000	115.320.000
5/12	GBC05/12 HĐ 978	5/12	Bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI) cho Công ty CP Hải Hà thu bằng CK	112	511 3331	135.300.000	123.000.000 12.300.000
...	...	....	....	....	....	....	....
8/12	PC5/12 HĐ 294559	8/12	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6421 133	111	764.420 76.442	840.862
...		...	...			...	...
26/12	PC 20/12 GBC26/12	26/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112	111	89.000.000	89.000.000
27/12	PC21/12 HĐ 604	27/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	6422 133	111	2.260.000 226.000	2.486.000
....	....	.....	.....	....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh			<b>390.427.120.926</b>	<b>390.427.120.926</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Người ghi sổ  
( đã ký )

Kế toán trưởng  
( đã ký )

Giám đốc  
( đã ký, đóng dấu )

**Biểu 2.14 – Sổ Cái TK642 (trích)**

CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên

Mẫu số S03b-DNN

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			.....			
8/12	PC5/12	8/12	Thanh toán dịch vụ viễn thông	111	764.420	
...	....	...	.....	.....	.....	.....
27/12	PC21/12	27/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	2.260.000	
28/12	PC22/12	28/12	Chi tiền tiếp thị, quảng cáo	111	4.000.000	
...	...	...	...	...	.....	.....
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		715.420.100
			Cộng phát sinh		<b>715.420.100</b>	<b>715.420.100</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

## **2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên bao gồm các khoản lãi như : lãi tiền gửi ngân hàng.
- Trong năm 2016, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

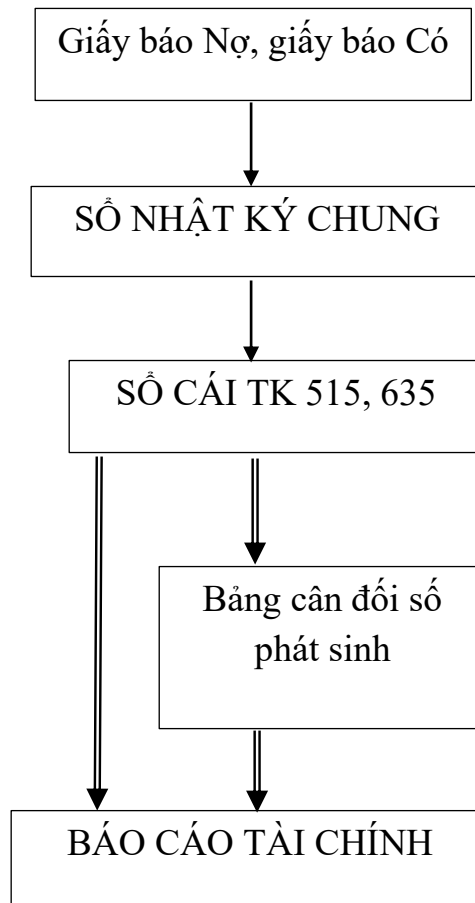
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu trả lãi tài khoản

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- Các tài khoản khác có liên quan như: TK 112, ....

2.2.4.4. Quy trình hạch toán



**Sơ đồ 2.7 – Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên**

**Ghi chú:**

Ghi tháng này :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$



## ✓ Ví dụ minh họa

**Ví dụ 6** : Ngày 25/12/2016 ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu trả lãi tiền gửi, số tiền là 341.750 đồng.

Căn cứ vào Giấy Báo Có của Ngân hàng (**Biểu số 2.15**), kê toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**), sau đó vào Sổ Cái tài khoản 515 (**Biểu số 2.17**)

Kê toán định khoản:	Nợ TK 112:	341.750
	Có TK 515:	341.750

**Biểu số 2.15 – GBC 25/12 – Ngân hàng TMCP Á Châu**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**

**Chi nhánh: Lê Chân – Hải Phòng**



**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Mã GDV .

Mã KH: 81285

So GD:

Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Mã số thuế : 0200731945

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: **93552139**

Số tiền bằng số: **341.750**

Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi đồng./.

**Nội dung: Lãi nhập vốn**

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

**Biểu số 2.16 – Sổ nhật ký chung (trích)**

**Công ty TNHH TM Hùng Nguyên**  
**Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng**  
**Bàng, Hải Phòng.**

**Mẫu số S03a-DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	....	....	.....	...	....	....	....
5/12	PX 09/12	5/12	Xuất kho bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI)	632	156	115.320.000	115.320.000
5/12	GBC05/12 HĐ 978	5/12	Bán thép hình H (H350*350*12*19 JINXI) cho Công ty CP Hải Hà thu bằng CK	112	511 3331	135.300.000	123.000.000 12.300.000
...	...	....	....	....	....	....	....
25/12	GBC25/12	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112	515	341.750	341.750
....	....	....	.....	.....	.....	.....	.....
27/12	PC21/12 HĐ 604	27/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	6422 133	111	2.260.000 226.000	2.486.000
....	....	.....	.....	....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh			<b>390.427.120.926</b>	<b>390.427.120.926</b>

Người ghi sổ  
( đã ký )

Kế toán trưởng  
( đã ký )

Ngày 31 tháng 12 năm 2016  
 Giám đốc  
( đã ký, đóng dấu )

**Biểu số 2.17 – Sổ cái (trích)**

CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên

Mẫu số S03b-DNN

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			.....			
25/10	GBC25/10	25/10	Lãi tiền gửi tháng 10	112		247.654
25/11	GBC25/11	25/11	Lãi tiền gửi tháng 11	112		302.100
25/12	GBC25/12	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		341.750
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2016	911	4.574.561	
			Cộng phát sinh		<b>4.574.561</b>	<b>4.574.561</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

Trong năm 2016, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

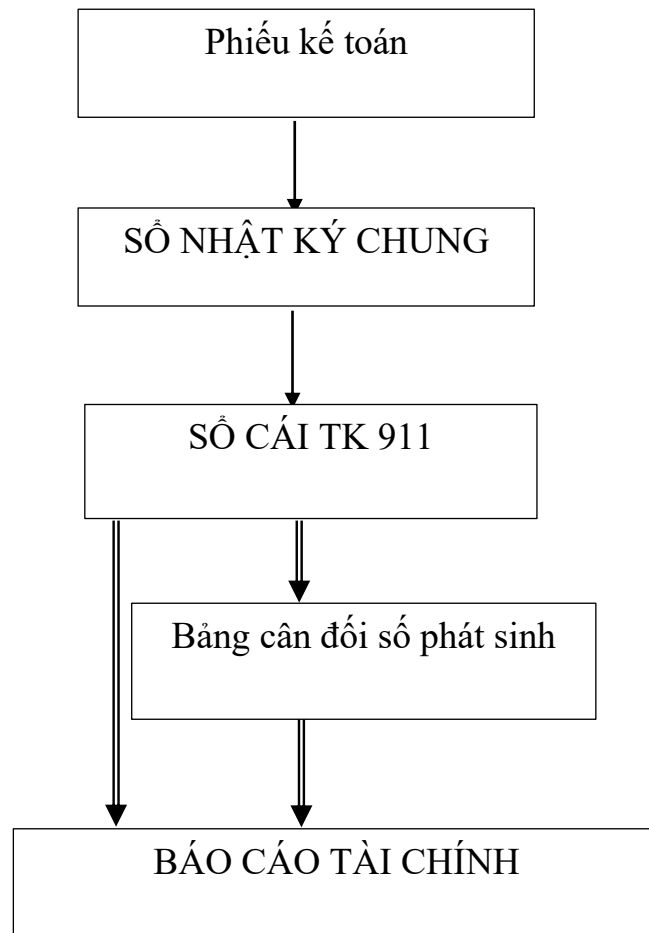
**2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh****2.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

**2.2.6.2. Tài khoản sử dụng**

- TK 632 “Giá vốn hàng bán”
- TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”
- TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- TK 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”
- TK 421 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”
- TK 711 “Thu nhập khác”
- TK 811 “Chi phí khác”

**2.2.6.4. Quy trình hạch toán**



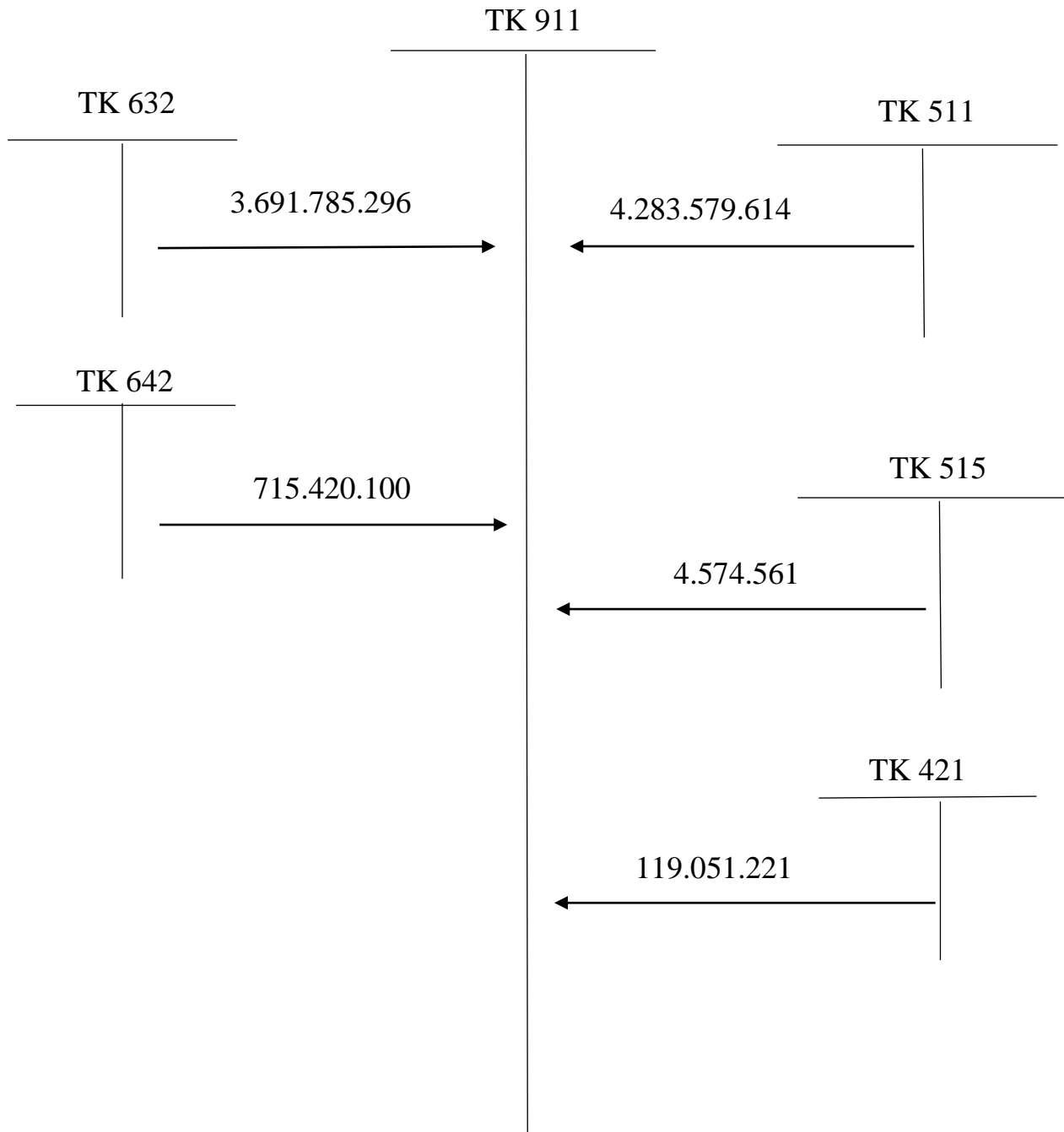
**Sơ đồ 2-8 – quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương  
Mại Hùng Nguyên**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

Kết quả xác định kết quả kinh doanh năm 2016 của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh năm 2016 của công ty**

Cuối năm căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 911.

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 4.283.579.614 + 4.574.561 - 3.691.785.296 - 715.420.100 \\ &= -119.051.221 \end{aligned}$$

**Kết quả kinh doanh năm 2016 của doanh nghiệp là Lỗ.**

**Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán số 27/12**

**CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên**

**Số 673, đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 27/12

Diễn giải : Kết chuyển doanh thu năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.283.579.614	
515	Doanh thu hoạt động tài chính	4.574.561	
911	Xác định kết quả kinh doanh		4.288.154.175
Tổng cộng		4.288.154.175	4.288.154.175

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 28/12**

**CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên**

**Số 673, đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 28/12

Diễn giải : Kết chuyển chi phí năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	4.407.205.396	
632	Giá vốn hàng bán		3.691.785.296
642	Chi phí quản lý kinh doanh		715.420.100
Tổng cộng		4.407.205.396	4.407.205.396

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 29/12**

**CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên**

**Số 673, đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Số 29/12**

**Đơn vị tính: đồng**

**Diễn giải : Kết chuyển lỗ**

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
421	LN chưa phân phối	119.051.221	
911	Xác định kết quả kinh doanh		119.051.221
Tổng cộng		119.051.221	119.051.221

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**(Ký, họ tên)**

**(Ký, họ tên)**

**(Ký, họ tên)**



**Biểu số 2.21– Sổ nhật ký chung (trích)**

Công ty TNHH TM Hùng Nguyên

Mẫu số S03a-DNN

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Bàng, Hải Phòng.

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	....	....	.....	...	....	....	....
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	4.283.579.614	4.283.579.614
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.574.561	4.574.561
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3.691.785.296	3.691.785.296
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	715.420.100	715.420.100
31/12	PKT29/12	31/12	Kết chuyển lỗ	421	911	119.051.221	119.051.221
....	....	.....	.....	....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh			<b>390.427.120.926</b>	<b>390.427.120.926</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

( đã ký )

( đã ký )

( đã ký, đóng dấu )

**Biểu 2.22 – Sổ Cái TK 911**

CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên

Mẫu số S03b-DNN

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hải Phòng.

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		4.283.579.614
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		4.574.561
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	3.691.785.296	
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	715.420.100	
31/12	PKT29/12	31/12	Kết chuyển lỗ	421		119.051.221
			Cộng phát sinh		<b>4.407.205.396</b>	<b>4.407.205.396</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
( đã ký )

Kế toán trưởng  
( đã ký )

Giám đốc  
( đã ký, đóng dấu )

**Biểu 2.23 – Sổ Cái TK 821**

CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên

Mẫu số S03b-DNN

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hải Phòng.

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<b><u>234.683.768</u></b>	
			Số phát sinh			
31/12	PKT29/12	31/12	Kết chuyển lỗ	911	119.051.221	
			Cộng phát sinh		<b>119.051.221</b>	
			Số dư cuối kỳ		<b><u>353.734.989</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.24- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

CÔNG TY TNHH TM Hùng Nguyên

Mẫu số B02-DNN

Số673-đường 5/2-HùngVương-Hồng Bàng-HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm:2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.283.579.614	3.391.568.621
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	4.283.579.614	3.391.568.621
4	Giá vốn hàng bán	11	3.691.785.296	2.981.789.120
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	<b>591.794.318</b>	<b>409.779.501</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.574.561	4.519.200
7	Chi phí tài chính	22		
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24	715.420.100	523.005.230
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+21-22-24)	30	(119.051.221)	(108.706.529)
10	Thu nhập khác	31		
11	Chi phí khác	32		
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(119.051.221)	(108.706.529)
15	Chi phí thuế TNDN	51		
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60	(119.051.221)	(108.706.529)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÙNG NGUYỄN****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyễn.**

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được một kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Muốn được như vậy trước hết công ty phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay vì kế toán là bộ máy kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng những phương pháp khoa học kỹ thuật có thể biết được những thông tin chính xác kịp thời và đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành nên tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Về việc lập báo cáo tài chính của kế toán sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như các nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyễn, được tiếp nhận với thực tế công tác nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng sự giúp đỡ của các anh, chị phòng kế toán tài chính, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyễn.

**3.1.1. Ưu điểm**

Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình kinh tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chi tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

- Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng.
- Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán.
- Đội ngũ kế toán trong công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.
- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.
- Về hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo Quyết định 48/2006/ QĐ – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, hợp lý và khoa học.
- Công ty áp dụng hình thức sổ “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công tác tính toán, xử lý thông tin, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của lãnh đạo công ty.
- Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.
- Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.... Công ty cũng thường xuyên cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán, giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, phù hợp.
- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến

bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý, giảm chi phí để tăng lợi nhuận của công ty.
- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phân nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

### **3.2.1. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.**

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn nhiều tồn tại và bất cập cần khắc phục. Cụ thể:

- ✚ **Thứ nhất:** Tại Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên kinh doanh rất nhiều mặt hàng sắt thép khác nhau về chủng loại, mẫu mã, xuất xứ... trong khi đó, kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn riêng cho từng loại hàng hóa từ đó gây khó khăn cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn riêng của từng loại hàng hóa và xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Mặt khác, công ty cũng không mở sổ chi tiết cho TK 642 nên không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh.
- ✚ **Thứ hai:** Công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên Excel. Do vậy, các công thức tính toán sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.
- ✚ **Thứ ba:** Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không

thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được.

### **3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên.**

#### **3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.**

Đối với công ty nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động một cách hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong công việc.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp, vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

Để đáp ứng về quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cơ khí thương mại Hoàng Minh phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư nghị định của Nhà nước. Việc tổ chức công tác kế toán ở mỗi đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình của từng đơn vị, không dập khuôn máy móc nhưng cũng chỉ được sáng tạo trong chừng mực nhất định.

- Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo từng ngành nghề, lĩnh vực quy mô mà doanh nghiệp lựa chọn theo chế độ, quyết định phù hợp với công ty mình. Khi áp dụng phù hợp công tác sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. Hoàn thiện công tác kế toán chính là mục tiêu cuối cùng để giảm bớt sự phức tạp, giảm khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc



trung của doanh nghiệp đặc biệt là phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong phòng kế toán.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý của từng doanh nghiệp. Đặc biệt là thông tin kế toán nội bộ càng chính xác, kịp thời thì các quyết định quản trị càng khả thi và giúp cho doanh nghiệp nắm bắt được kịp thời sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Thông tin kế toán có được sau khi hoàn thiện phải tốt hơn, chuẩn hơn, đầy đủ hơn so với trước.

- Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm là làm sao mà chi phí bỏ ra là thấp nhất mà hiệu quả thu được là cao nhất thì khi đó hoàn thiện thực sự mới có kết quả tốt. Ngược lại để hoàn thiện công tác kế toán mà chi phí bỏ ra quá lớn nhưng trong khi đó lợi ích thu lại được không đủ bù đắp cho chi phí bỏ ra thì không khả thi.

### **3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.**

#### *3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty*

Hiện nay, khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (Sổ nhật ký chung, Sổ cái), chưa mở sổ chi tiết để theo dõi doanh thu, giá vốn của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng).

Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.1), sổ chi tiết giá vốn (Biểu 3.2) giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), từ đó xác định được lãi gộp đối với từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) giúp cho nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

Bên cạnh đó, công ty chưa mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí quản lý kinh doanh. Công ty nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.2) giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận.

Căn cứ vào Sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh ở cho TK 632 – chi tiết cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng). Để xác định được chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), ta lấy lợi nhuận gộp

trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho mặt hàng A (nhóm mặt hàng A)} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng (nhóm mặt hàng)}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng A (nhóm mặt hàng A)}$$

Sau khi phân bổ chi phí quản lý kinh doanh ta lập Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng (Biểu 3.3). Để theo dõi kết quả kinh doanh cuối cùng của từng mặt hàng kế toán có thể mở Sổ chi tiết cho TK 911 (Biểu 3.4)

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 133/2016/TT-BTC thay thế cho Quyết định 48/2006/QĐ-BTC từ ngày 01/01/2017. Do đó, Công ty có thể tham khảo mẫu Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh và Sổ chi tiết các TK theo như hướng dẫn trong Thông tư 133/2016/TT-BTC như biểu 3.1; biểu 3.2 và biểu 3.4.

Ví dụ minh họa:

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 và ví dụ 3 chương 2 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) cụ thể.

Căn cứ vào Hóa đơn số 978, kế toán vào sổ chi tiết bán hàng – thép hình (Biểu 3.5). Căn cứ vào phiếu xuất kho 09/12, kế toán vào sổ chi tiết giá vốn – thép hình (Biểu 3.6).

Với nghiệp vụ thanh toán cước viễn thông bộ phận bán hàng tại ví dụ 5 chương 2 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết chi phí mở cho TK 6421 (Biểu 3.7).

**Biểu số 3.1 – Sổ chi tiết bán hàng**

**Mẫu số S16-DNN**

Đơn vị:.....

(Ban hành theo Thông Tư số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ:.....

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư)

Mã hàng hóa:

Năm:

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh số trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ...

Ngày.... tháng....năm...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 3.2 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S17-DNN**

(Ban hành theo Thông Tư số 133/2016/TT-BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
(Dùng cho các tài khoản 154, 631, 642, 242, 335, 632)

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

Tên khoản:.....

Tên phân xưởng:.....

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Ghi nợ TK.....								
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra							
						....	...	....	....	....	....	....	....
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			Số dư đầu kỳ										
			Số phát sinh trong kỳ										
			Cộng phát sinh trong kỳ										
			Ghi Có TK....										
			Số dư cuối kỳ										

- Sổ này có .....trang, đánh số trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm.....  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 3.3 – Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng**

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG MẶT HÀNG (NHÓM MẶT HÀNG)**

Năm:.....

STT	Tên mặt hàng (nhóm mặt hàng)	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng)	Kết quả kinh doanh
	.....					
	Cộng					

Ngày....tháng....năm.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 3.4 – Mẫu Sổ chi tiết các tài khoản**

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S19-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính )

**SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN**  
(Dùng cho các TK: 138, 141,.....911)

Tên tài khoản:.....

Đối tượng:.....

Loại tiền: .....

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ ..... .....					
			- Cộng số phát sinh					
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có .....trang, đánh số trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ...

Ngày ....tháng...năm...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 3.5 – Sổ chi tiết bán hàng (thép hình)**

Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

**Mẫu số S16-DNN**

(Ban hành theo Thông Tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Thép hình

Mã hàng hóa:

Năm: 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Phát sinh trong năm						
			.....						
5/12	HĐ978	5/12	Bán hàng cho công ty Cổ phần Thép Hải Hà	112	12	10.250.000	123.000.0000		
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Ngày tháng năm

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 3.6 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

**Mẫu số S17-DNN**

(Ban hành theo Thông Tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 632

Tên sản phẩm, dịch vụ: Thép hình

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Ghi nợ TK 632		
					Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
5/12	PX09/12	5/12	Xuất bán cho Công ty Cổ phần Thép Hải Hà	156	115.320.000	12	9.610.000
			Cộng phát sinh trong kỳ				
			Ghi Có TK 632	911			

Ngày tháng năm

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 3.7 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

**Mẫu số S17-DNN**

(Ban hành theo Thông Tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Ghi nợ TK 6421				
	SH	Ngày			Số tiền	Chia ra			
						Lương	Vật liệu	....	Dịch vụ mua ngoài
			Số phát sinh trong kỳ						
8/12	PC5/12	8/12	Thanh toán dịch vụ viễn thông bộ phận bán hàng	111	764.420				764.420
			.....						
			Cộng phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK....						

Ngày tháng năm

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**3.2.2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán**

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

**✚ Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017**

- ✓ Là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ và được áp dụng trong các trường hợp như: Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại đơn giản, và mức độ quản lý không quá phức tạp, doanh nghiệp có yêu cầu quản trị cao hơn và mô hình hoạt động lớn ở mức tương đối, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.



***Ưu điểm và nhược điểm của phần mềm kế toán MISA***

***Ưu điểm:***

- Giao diện: Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.
- Độ chính xác cao: Có thể khẳng định rằng số liệu tính toán trong phần mềm MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác.
- Khả năng bảo mật: Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp sẽ ít phải đau đầu về vấn đề này như các phần mềm kế toán chạy trên các nền tảng khác.

***Nhược điểm:***

- Vì có SQL nên MISA nên nếu máy tính cài đặt MISA QUÁ YẾU sẽ chạy ì ạch.
- Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm.

1. Đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán gồm: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.
2. Đáp ứng nghiệp vụ quản lý phát hành và sử dụng hóa đơn theo cả 3 hình thức: Tự in, Đặt in, Điện tử. Xuất khẩu báo cáo thuế theo định dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua MTAX.VN
3. Tự thiết kế biểu mẫu chứng từ, báo cáo linh hoạt theo đặc thù doanh nghiệp.
4. Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản trị công nợ theo loại, hạn nợ.
5. Tự động hóa nghiệp vụ quản lý quỹ, quản lý kho và kiểm kê, đối chiếu giữa thủ quỹ, thủ kho với kế toán.

MISA SME.NET tính đến nay đã có thể triển khai cho các DOANH NGHIỆP thuộc mọi lĩnh vực kinh doanh: Xuất nhập khẩu, Thương mại; Dịch vụ; Sản xuất, Xây lắp. Phiên bản mới nhất của MISA SME.NET là 2017, với công nghệ Microsoft.NET, CSDL SQL Server Express

Báo giá:

Gói Standard: 6.950.000

Gói Professional: 9.950.000

Gói Enterprise: 12.950.000

**Phần mềm kế toán Fast**

***Ưu điểm và nhược điểm của phần mềm kế toán FAST:***

*Ưu điểm*

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, Fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).
- Tốc độ xử lý tương đối tốt.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.
- Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.
- Dễ dàng truy xuất thông tin.



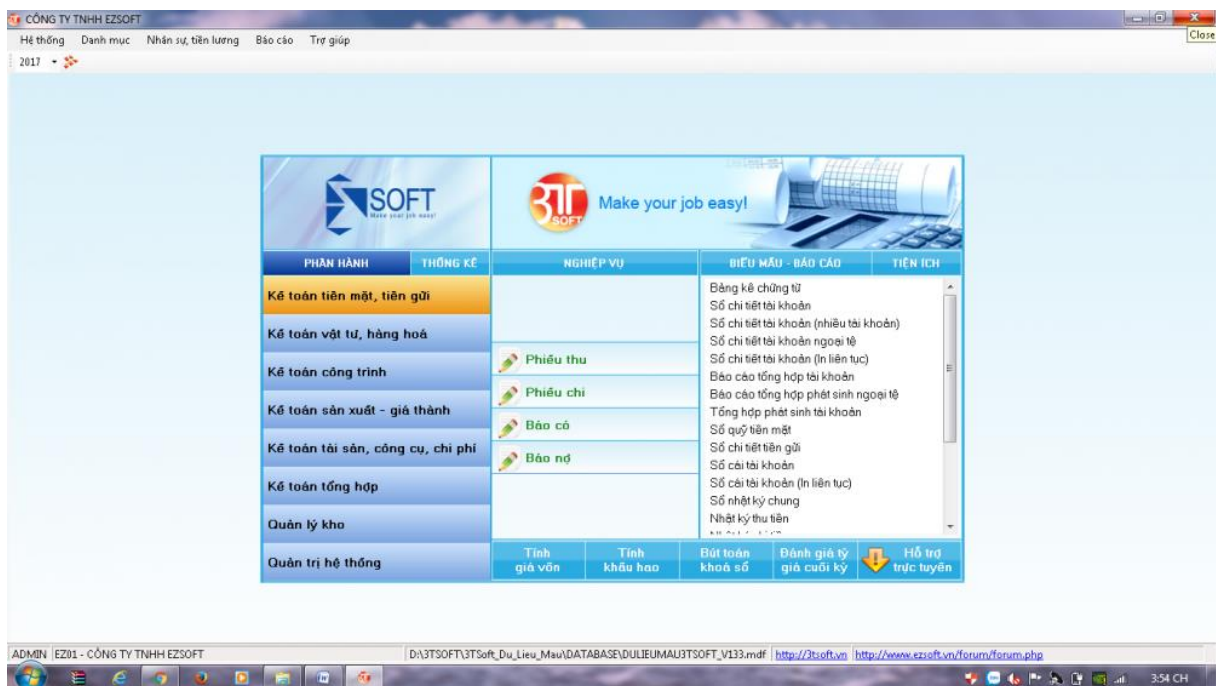
*Nhược điểm*

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.
- Độ bảo mật chưa thực sự ấn tượng.
- Các hướng dẫn đính kèm còn sơ sài, chưa rõ ràng, làm thành từng video như MISA

**Báo giá phần mềm kế toán Fast:**

Loại hình doanh nghiệp	Giá phần mềm
Dịch vụ (12 phân hệ)	5.900.000đ
Thương mại (13 phân hệ)	7.900.000đ
Xây lắp (14 phân hệ)	9.900.000đ
Sản xuất (15 phân hệ)	11.900.000đ

**Phần mềm kế toán 3TOSOFT**



**Các ưu điểm vượt trội so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường**

- Dùng thử không giới hạn thời gian, full tiện ích, không bị ảnh hưởng dữ liệu đã nhập khi chuyển từ dùng thử sang dùng chính thức.
- Tích hợp máy quét mã vạch.
- Phần mềm có tốc độ xử lý nhanh, gọn nhẹ
- Bản quyền kép cho phép sao chép nhiều chứng từ sử dụng chung cho dữ liệu Thuế - Nội bộ, Công ty mẹ - các chi nhánh, ...
- Không giới hạn số máy tính sử dụng, số người sử dụng.
- Linh hoạt sửa mẫu báo cáo, in ấn chứng từ, sổ sách hàng loạt một cách dễ dàng, đánh lại số chứng từ hàng loạt theo yêu cầu của người sử dụng: PC-2017-0001; PN-2017-0001.
- Tính giá vốn, tính khấu hao và tính chênh lệch tỷ giá tự động.

- Chức năng kiểm tra sai sót sửa chữa báo cáo chứng từ nhanh chóng tiện ích.
- Sao lưu - phục hồi, truyền nhận dữ liệu dễ dàng giữa các máy tính.
- Vận dụng linh hoạt cho mọi loại hình dịch vụ, thương mại, sản xuất, xây dựng.

**Báo giá phần mềm kế toán 3TSoft:**

- Giá thành cực thấp với phiên bản Tiếng Việt (*Bao gồm TT 200 & TT133*) với mức phí : 2.000.000 đ đã sở hữu 01 bản quyền trọn đời.
- Với ưu đãi cực lớn như: Tặng 1 năm hỗ trợ, bảo trì miễn phí, cập nhật, nâng cấp thay đổi phiên bản không mất thêm chi phí.

Qua quá trình tìm hiểu đặc điểm, cơ cấu, loại hình kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên, em xin tư vấn công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET vì phần mềm này phù hợp cả về tính năng và giá cả, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

**3.2.2.3. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên.**

Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn.

➢ **Phương pháp lập dự phòng:**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản vay nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên. Trong đó: Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

<b>Thời gian quá hạn thanh toán</b>	<b>Mức dự phòng trích lập</b>
6 tháng $\leq T \leq$ 1 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< T <$ 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< T <$ 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$T >$ 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,... thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng



vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí QLKD.

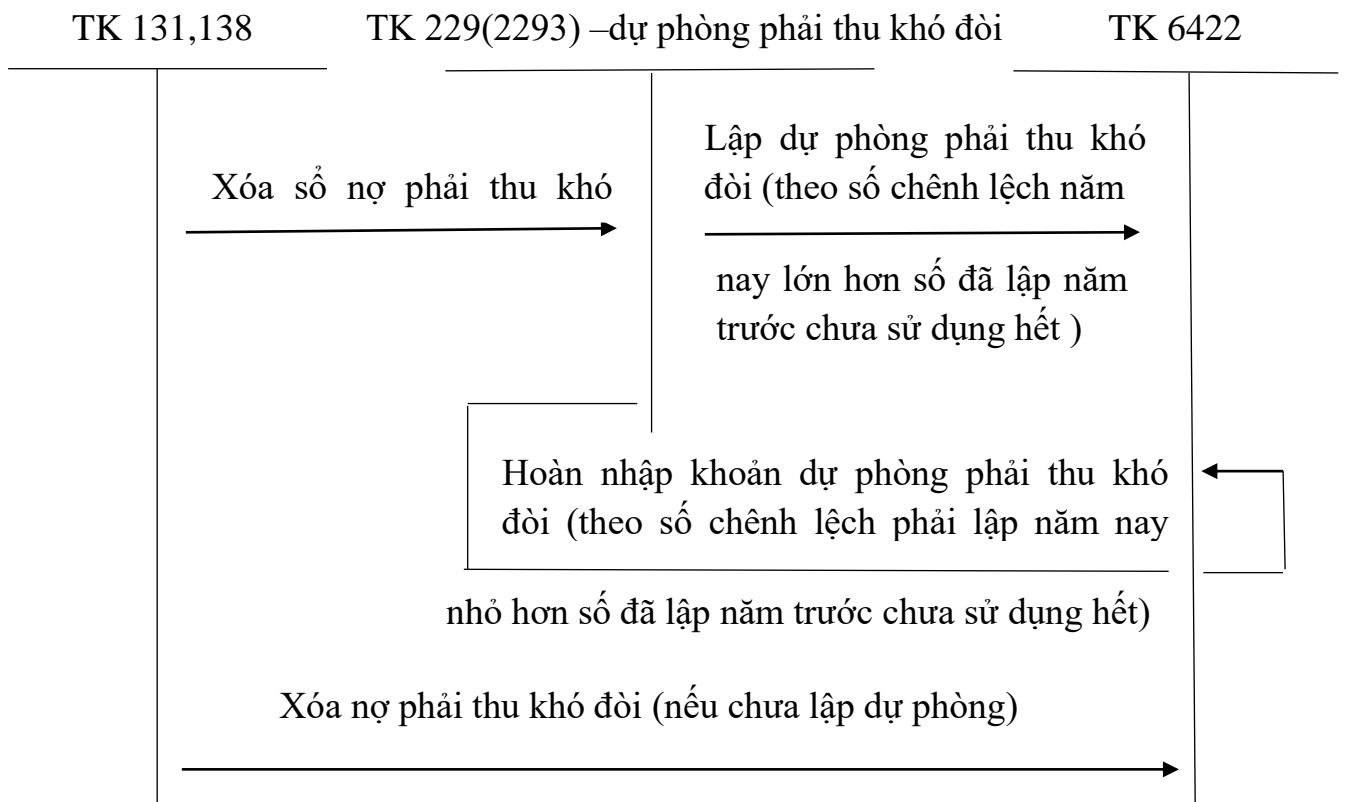
Tài khoản sử dụng:

Theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC để theo dõi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 1592- Dự phòng phải thu khó đòi

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 133/2016/TT-BTC thay thế cho Quyết định 48/2006/QĐ-BTC từ ngày 01/01/2017. Theo Thông tư 133 thì để theo dõi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau (theo hướng dẫn của Thông tư 133):

**Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau:**



✓ Ví dụ minh họa:

Từ bảng kê công nợ (**Biểu số 3.8**) và dựa vào mức trích lập dự phòng kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (**Biểu số 3.9**) vào ngày 31/12 như sau:

**Biểu 3.8 – Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2016**

Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

**BẢNG KÊ CÔNG NỢ**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên khách hàng	Số dư nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty Xây dựng Bạch Đằng	92.400.000		92.400.000			
Công ty TNHH Việt Tín	72.100.500			72.100.500		20 tháng 5 ngày
Công ty Cổ phần Thép Hải Hà	30.120.755	30.120.755				
Công ty TNHH Thiên Phúc	120.341.000			120.341.000		14 tháng 22 ngày
Công ty TNHH Ống thép 190	88.072.361			88.072.361		8 tháng
.....						
<b>Tổng cộng</b>	<b>962.090.981</b>	<b>401.761.220</b>	<b>279.815.900</b>	<b>280.513.861</b>		



**Biểu 3.9 – Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên

Số 673, Đường 5/2, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

**BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

<b>Tên khách hàng</b>	<b>Số tiền nợ</b>	<b>Thời gian nợ thanh toán</b>	<b>Tỷ lệ trích lập</b>	<b>Số cần lập dự phòng</b>
Công ty TNHH Việt Tín	72.100.500	20 tháng 5 ngày	50%	36.050.250
Công ty TNHH Thiên Phúc	120.341.000	14 tháng 22 ngày	50%	60.170.500
Công ty TNHH Ống Thép 190	88.072.361	8 tháng	30%	26.421.708
<b>Tổng cộng</b>	<b>280.513.861</b>			<b>122.642.458</b>

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422 : 122.642.458

Có TK 2293: 122.642.458

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách có liên quan.

**3.2.2.4. Một số kiến nghị khác.**

Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban Giám Đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh theo từng mặt hàng theo tháng hoặc quý giúp ban lãnh đạo nắm rõ về tỷ suất lợi nhuận của từng mặt hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vì vậy việc nâng cao chất lượng sản phẩm và xúc tiến công tác quảng cáo, khuyến mại là một vấn đề hết sức quan trọng. Công ty cần tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, thị trường đầu ra. Một chính sách tốt sẽ làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của công ty từ đó tăng sự lựa chọn của khách hàng và tạo uy tín với khách hàng. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng các biện pháp như sau: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh bằng các biện pháp hợp lý.

**KẾT LUẬN**

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên, em đã mạnh dạn chọn đề tài “ *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên*” để làm đề tài khóa luận. Trong cuốn khóa luận này em đã vận dụng những kiến thức được học tại trường để hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên. Từ đó mạnh dạn đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế còn chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự cảm thông và góp ý kiến đánh giá của các thầy cô.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt là **GVHD - Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh** cùng các anh chị phòng kế toán trong Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận.

*Hải Phòng, ngày ... tháng...năm 2017*

Sinh viên

Đồng Thị Phương Thảo.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH Thương Mại Hùng Nguyên (2016), *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.